

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (tiếp theo)

Chủ đề 1:

CÁC N- ỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA TINH (TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

A. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CH- ƠNG TRÌNH

- Sự xâm l- ọc của chủ nghĩa thực dân ph- ơng Tây đối với các n- ớc châu □.
Giải thích nguyên nhân.

- Nhật Bản thế kỉ XIX: nguyên nhân, nội dung nổi bật của Cải cách Minh Trị, ý nghĩa lịch sử.

- Trung Quốc: các sự kiện lịch sử quan trọng của Trung Quốc thời cận đại: Chiến tranh thuốc phiện, phong trào Thái bình Thiên quốc, cải cách Mậu Tuất (1898), Cách mạng Tân Hợi (1911).

- □n Độ: các phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở □n Độ, sự chuyển biến kinh tế, xã hội và sự ra đời, hoạt động của Đảng Quốc đại.

- Các n- ớc Đông Nam □: quá trình xâm l- ọc của các n- ớc ph- ơng Tây, các phong trào đấu tranh chống xâm l- ọc, những chuyển biến về kinh tế - xã hội, xu h- ớng mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam □ đầu thế kỉ XX.

- Châu Phi, Mĩ Latinh: những nét chung về tình hình của châu lục, khu vực các cuộc đấu tranh tiêu biểu.

I- NHẬT BẢN

1. Nhật Bản từ đầu đến thế kỉ XIX đến tr- ớc năm 1868

- *Về kinh tế*: Nông nghiệp lạc hậu, tuy nhiên những mầm mống kinh tế t- bản chủ nghĩa đã hình thành và phát triển nhanh chóng.

- *Về chính trị*: Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là quốc gia phong kiến. Thiên hoàng có vị trí tối cao nh- ng quyền hành thực tế thuộc về T- ổng quân - Sôgun.

- *Về xã hội*: Giai cấp t- sản ngày càng tr- ờng thành và có thế lực về kinh tế, song không có quyền lực về chính trị. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

- Các n- ớc đế quốc, tr- ớc tiên là Mĩ đe dọa xâm l- ọc Nhật Bản. Nhật Bản đứng tr- ớc sự lựa chọn hoặc tiếp tục duy trì chế độ phong kiến hoặc tiến hành cải cách duy tân, đ- a đất n- ớc phát triển theo con đ- ờng t- bản chủ nghĩa.

- Liên hệ đến tình hình Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Cuộc Duy tân Minh Trị

- Cuối năm 1867 - đầu năm 1968, chế độ Mạc Phủ bị sụp đổ. Thiên hoàng Minh Trị sau khi lên ngôi đã tiến hành một loạt cải cách tiến bộ:

+ *Về chính trị*: xác lập truyền thống trị của quý tộc, t- sản; ban hành Hiến pháp năm 1889, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

+ *Về kinh tế*: thống nhất thị trường, tiền tệ, phát triển kinh tế t- bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sắt, cầu cống...

+ *Quân sự*: tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, phát triển công nghiệp quốc phòng.

+ *Về giáo dục*: thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kỹ thuật, cử học sinh - u tú du học ở phương Tây.

- *Ý nghĩa, vai trò của cải cách*:

+ Tạo nên những biến đổi xã hội sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, có ý nghĩa như một cuộc cách mạng t- sản.

+ Tạo điều kiện cho sự phát triển chủ nghĩa t- bản, đưa Nhật Bản trở thành nước t- bản hùng mạnh ở châu Á.

- Quan sát hình 1. *Thiên Hoàng Minh Trị - SGK* và nhận xét về vai trò của ông đối với cuộc Suy Tân.

3. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa

- Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Nhật Bản dẫn tới sự ra đời các công ty độc quyền như - Mítx- i, Mitsubisi,... Sự lũng đoạn của các công ty độc quyền này đối với kinh tế, chính trị Nhật Bản.

- Sự phát triển kinh tế đã tạo sức mạnh về quân sự, chính trị ở Nhật Bản. Giới cầm quyền đã thi hành chính sách xâm lược hiếu chiến: chiến tranh Đài Loan, chiến tranh Trung - Nhật, chiến tranh Nga - Nhật; thông qua đó, Nhật chiếm Liêu Đông, Lữ Thuận, Sơn Đông, bán đảo Triều Tiên...

- Nhật Bản tiến lên chủ nghĩa t- bản song quyền sở hữu ruộng đất phong kiến vẫn được duy trì. Tầng lớp quý tộc vẫn có - u thế chính trị lớn và chủ trương xây dựng đất nước bằng sức mạnh quân sự. Tình hình đó làm cho đế quốc Nhật Bản có đặc điểm là đế quốc phong kiến quân phiệt.

- Quần chúng nhân dân, tiêu biểu là công nhân bị bán rùa hóa. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân lên cao, dẫn tới sự thành lập của Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản năm 1901.

- Quan sát hình 2. *Lễ khánh thành một đoàn tàu ở Nhật Bản* để biết được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau cuộc Duy tân Minh Trị.

- Quan sát hình 3. L- ọc đồ về sự bành tr- ớng của đế quốc Nhật Bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, xác định những vùng đất Nhật Bản xâm chiếm và bành tr- ớng cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

II- ẤN ĐỘ

1. Tình hình kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX

- Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm l- ọc và đặt ách thống trị ở Ấn Độ. Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của thực dân Anh, phải cung cấp ngày càng nhiều l- ợng thực, nguyên liệu cho chính quốc.

- Về chính trị, xã hội, Chính phủ Anh cai trị trực tiếp Ấn Độ, thực hiện nhiều chính sách để củng cố ách thống trị của mình nh- : chia để trị, khoét sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội.

2. Khởi nghĩa Xipay

- Nguyên nhân sâu xa: chính sách thống trị hà khắc của thực dân Anh, nhất là chính sách "chia để trị", tìm cách khơi sâu sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội đã dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh.

- Duyên cớ: Binh lính ng- ời Ấn Độ trong quân đội của thực dân Anh bị đối xử tàn tệ, bị xúc phạm về tinh thần dân tộc và tín ng- ỡng nên đã nổi dậy khởi nghĩa.

- Diễn biến:

+ Ngày 10/5/1857, hàng vạn lính Xipay đã nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Anh. Cuộc khởi nghĩa đã đ- ợc sự h- ớng ứng của đông đảo nông dân, nhanh chóng lan ra khắp miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ.

+ Nghĩa quân đã lập đ- ợc chính quyền, giải phóng đ- ợc một số thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì đ- ợc khoảng 2 năm (1857 - 1859) thì bị thực dân Anh đàn áp đẫm máu.

- Ý nghĩa: có ý nghĩa lịch sử to lớn, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc.

3. Đảng Quốc đại và phong trào dân tộc (1885 - 1908)

- Từ giữa thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân đã thức tỉnh ý thức dân tộc của giai cấp t- sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ. Họ bắt đầu v- ươn lên đòi tự do phát triển kinh tế và đ- ợc tham gia chính quyền, nh- ng lại bị thực dân Anh kìm hãm.

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc đại - chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Việt Nam được thành lập, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc, giai cấp tư sản Việt Nam bước lên vũ đài chính trị.

- Trong quá trình hoạt động, Đảng Quốc đại bị phân hoá thành hai phái: phái "ôn hoà" chủ trương thỏa hiệp, chỉ yêu cầu Chính phủ Anh tiến hành cải cách, phái "cấp tiến" do Tilắc cầm đầu thì có thái độ kiên quyết chống Anh.

- Tháng 7/1905, chính quyền Anh thi hành chính sách chia đôi xứ Bengan: miền Đông của người theo đạo Hồi, miền Tây của người theo đạo Hindu. Hành động này khiến nhân dân Việt Nam càng căm phẫn. Nhiều cuộc biểu tình rầm rộ đã nổ ra.

- Tháng 6/1908, thực dân Anh bắt giam Tilắc và kết án ông 6 năm tù. Vụ án Tilắc đã thổi bùng lên đợt đấu tranh mới.

- Tháng 7/1908, công nhân Bombay tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, lập các đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lược để chống quân Anh. Cao trào này do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc. Giai cấp công nhân Việt Nam đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc, thể hiện sự thức tỉnh của nhân dân Việt Nam trong trào lưu dân tộc dân chủ của nhiều nước châu Âu đầu thế kỷ XX.

- Quan sát hình 5. *Lược đồ phong trào cách mạng ở Ấn Độ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX* - SGK, xác định trên lược đồ vị trí diễn ra phong trào cách mạng.

- Quan sát hình 4. *B.Tilắc* - SGK và nêu nhận xét về vai trò của ông đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

III- TRUNG QUỐC

1.Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm lược

- Trung Quốc là quốc gia rộng lớn, đông dân, có nhiều tài nguyên khoáng sản, sớm trở thành mục tiêu xâm lược của các nước đế quốc.

- Từ tháng 6/1840 đến tháng 8/1842, thực dân Anh đã tiến hành cuộc Chiến tranh thuốc phiện, buộc chính quyền Mãn Thanh phải ký hiệp ước Nam Kinh, mở đầu quá trình biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

- Sau chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâm xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỷ XIX, Đức chiếm vùng Sơn Đông; Anh chiếm vùng Châu thổ sông Dương Tử; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông; Nga, Nhật chiếm vùng Đông Bắc,...

- Quan sát hình 6. Các n-ớc để quốc xâm xé "cái bánh ngọt" Trung Quốc - SGK và nêu nhận xét về việc các n-ớc để quốc chia nhau Trung Quốc.

- Xác định trên l-ợc đồ các vùng ở Trung Quốc bị các n-ớc để quốc xâm chiếm.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

- Trước sự xâm l-ợc của các n-ớc để quốc và thái độ thoả hiệp của triều đình Mãn Thanh, nhân dân Trung Quốc đã đứng dậy đấu tranh, tiêu biểu là phong trào nông dân Thái Bình Thiên quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo (1851 - 1864).

- Năm 1898, cuộc vận động Duy tân do hai nhà nho yêu n-ớc là Khang Hữu Vi và L-ong Khải Siêu khởi x-ớng, đ-ợc vua Quang Tự ủng hộ, kéo dài hơn 100 ngày, nh-ng cuối cùng bị thất bại vì Từ Hi Thái hậu làm chính biến.

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào nông dân Nghĩa Hoà đoàn nêu cao khẩu hiệu chống để quốc, đ-ợc nhân dân nhiều nơi h-ớng ứng. Khởi nghĩa thất bại vì thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí và bị triều đình phản bội, bắt tay với để quốc để đàn áp phong trào.

3. Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (1911)

- Giai cấp t- sản Trung Quốc ra đời vào cuối thế kỉ XIX và đã lớn mạnh rất nhiều vào đầu thế kỉ XX. Do bị phong kiến, t- bản n-ớc ngoài kìm hãm, chèn ép, giai cấp t- sản trung Quốc đã tập hợp lực l-ợng và thành lập các tổ chức riêng của mình. Tôn Trung Sơn là đại diện -u tú và là lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh h-ớng dân chủ t- sản.

- Tháng 8/1905, Tôn Trung Sơn cùng với các đồng chí của ông đã thành lập Trung Quốc Đồng minh hội - chính đảng của giai cấp t- sản của Trung Quốc. Tham gia tổ chức này có trí thức t- sản, tiểu t- sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh, cùng một số ít đại biểu công nông.

C-ơng lĩnh chính trị của tổ chức này dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn (dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc). Mục đích của Hội là "đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc".

D-ới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đ-ờng dân chủ t- sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa vũ trang.

- Ngày 9/5/1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hoá đ-ờng sắt", thực chất là trao quyền kinh doanh đ-ờng sắt cho các n-ớc để quốc, bán rử quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã châm ngòi cho Cách mạng Tân Hợi.

Ngày 10/10/1911, cách mạng Tân Hợi bùng nổ. Quân khởi nghĩa thắng lớn ở Vũ X-ơng, sau đó khởi nghĩa lan ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung của

rung Quốc (kết hợp sử dụng 1- ọc đồ- hình 8 - SGK để trình bày diễn biến chính của cách mạng).

Ngày 29/12/1911, Chính phủ lâm thời tuyên bố thành lập Trung Hoa Dân quốc và bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống.

Sau đó, Tôn Trung Sơn đã mắc sai lầm là th- ơng l- ợng với Viên Thế Khải (quan đại thần của nhà Thanh), đồng ý nh- ờng cho ông lên làm Tổng thống (2/1912). Cách mạng coi nh- ư chấm dứt.

- Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng dân củ t- sản đã lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân quốc, tạo điều kiện cho nền kinh tế t- bản ở Trung Quốc phát triển. Cuộc cách mạng có ảnh h- ưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc ở Châu □, trong đó có Việt Nam.

- Cách mạng cũng có nhiều hạn chế: không nêu vấn đề đánh đuổi đế quốc, không tích cực chống phong kiến đến cùng (th- ơng l- ợng với Viên Thế Khải), không giải quyết đ- ợc vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Quan sát hình 7. *Tôn Trung Sơn* - SGK nêu nhận xét về vai trò của ông đối với cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911).

IV- CÁC N- ỚC ĐÔNG NAM Á (Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)

1. Quá trình xâm l- ợc của chủ nghĩa thực dân vào các n- ớc Đông Nam Á

- Đông Nam □ là một khu vực có vị trí địa lí quan trọng, giàu tài nguyên, chế độ phong kiến lại đang lâm vào khủng hoảng, suy yếu nên không tránh khỏi bị các n- ớc ph- ơng Tây nhòm ngó, xâm l- ợc.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, t- bản ph- ơng Tây đẩy mạnh xâm l- ợc Đông Nam □: Anh chiếm Mã Lai, Miến Điện; Pháp chiếm Việt Nam, Lào và Campuchia; Tây ban Nha, rồi Mĩ chiếm Philippin; Hà Lan và Bồ Đào Nha chiếm Indônêxia.

- Xiêm (nay là Thái Lan) là n- ớc duy nhất ở - Đông Nam □ vẫn giữ đ- ợc độc lập, nh- ư cũng trở thành "vùng đệm" của ta bản Anh và Pháp.

- Quan sát 1- ọc đồ 9 - SGK, xác định đ- ợc tên các n- ớc trong khu vực Đông Nam □ và tên các n- ớc thực dân ph- ơng Tây xâm l- ợc t- ơng ứng.

2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các n- ớc Đông Nam Á

- Ngay từ khi thực dân ph- ơng Tây nổ súng xâm l- ợc, nhân dân Đông Nam □ đã nổi dậy đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do lực l- ợng của bọn xâm l- ợc mạnh, chính quyền phong kiến ở nhiều n- ớc lại không kiên quyết đánh giặc đến cùng, kết cục, các n- ớc thực dân đã hoàn thành xâm l- ợc, áp dụng chính sách "chia để trị" để cai trị vơ vét của cải, bóc lột nhân dân các n- ớc Đông Nam □.

- Chính sách cai trị của bọn thực dân càng làm cho mâu thuẫn dân tộc ở các nước Đông Nam Á thêm gay gắt, hàng loạt phong trào đấu tranh nổ ra.

+ □ Ấn Độ, từ cuối thế kỷ XIX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tiến bộ ra đời. Năm 1905, các tổ chức công đoàn thành lập và bắt đầu quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản (1920).

+ □ Philippin, cuộc cách mạng 1896 - 1898 do giai cấp tư sản lãnh đạo, chống thực dân Tây Ban Nha giành thắng lợi, dẫn tới sự thành lập Cộng hòa Philippin, nhưng ngay sau đó lại bị Mỹ thôn tính.

+ □ Campuchia, có cuộc khởi nghĩa do Acha Xoa lãnh đạo nổ ra ở Takeo (1863 - 1866), tiếp đó là khởi nghĩa của nhà S- Pucômbô (1866 - 1867) có liên kết với nhân dân Việt Nam, gây cho Pháp nhiều khó khăn.

+ □ Lào, năm 1901, Phacađốc lãnh đạo nhân dân Xavannakhét tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang. Cùng năm đó, cuộc khởi nghĩa ở cao nguyên Bôlôven bùng nổ, lan sang cả Việt Nam, gây cho thực dân Pháp nhiều khó khăn trong quá trình cai trị, đến tận năm 1937 mới bị dập tắt.

+ □ Mã Lai và Miến Điện, phong trào đấu tranh của nhân dân chống thực dân Anh cũng diễn ra quyết liệt, làm chậm quá trình khai thác, bóc lột của thực dân.

+ □ Việt Nam, sau khi triều đình Huế đầu hàng, phong trào Cần Vương bùng nổ và quy tụ thành nhiều cuộc khởi nghĩa lớn (1885 - 1896). Phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài 30 năm (1884 - 1913) cũng gây nhiều khó khăn cho thực dân Pháp...

+ □ Xiêm, vào giữa thế kỷ XIX, nước này cũng đứng trước sự đe dọa xâm chiếm của các nước phương Tây, nhất là Anh và Pháp.

Từ thời vua Rama IV (1851 - 1868), đặc biệt là vua Rama V (từ năm 1868 đến năm 1910) đã thực hiện một loại cải cách tiến bộ về kinh tế, chính trị, xã hội theo khuôn mẫu các nước phương Tây, tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới, phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. Nhờ vậy Xiêm không bị biến thành thuộc địa như các nước trong khu vực mà vẫn giữ được độc lập, mặc dù bị lệ thuộc nhiều vào Anh và Pháp về kinh tế, chính trị.

- Quan sát hình 10. *Hôxê Rida* và hình 11. *Bôniphaxiô* - SGK, tìm hiểu về hai nhân vật này.

- Lập niên biểu về các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Đông Nam Á cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

V- CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (Thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX)

1. Châu Phi

Vào nửa đầu thế kỉ XIX, nhất là sau khi hoàn thành kênh đào Xuyê, các n- ớc t- bản ph- ơng Tây đua nhau xâm chiếm châu Phi: Anh chiếm Ai Cập, Nam Phi, Tây Nigiêra, Xômali,...; Pháp chiếm một phần Tây Phi, Angiêri, Mađagaxca, Tuynidi,...; Đức chiếm Camorun, Tôgô, Tây Nam Phi,...; Bồ Đào Nha chiếm Môđambích, Ăng gôla,... Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia châu Phi của các n- ớc đế quốc căn bản đã hoàn thành.

- □ch thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc châu Phi là nguyên nhân cơ bản làm bùng nổ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Châu Phi.

- Tiêu biểu trong phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi là cuộc khởi nghĩa □pden Cade ở Angiêri kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847; phong trào đấu tranh của tầng lớp trí thức và sĩ quan yêu n- ớc ở Ai Cập,... đặc biệt là cuộc kháng chiến của nhân dân Etiôpia.

- Phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi tuy diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu n- ớc, nh- ư do trình độ tổ chức thấp, lực l- ợng chênh lệch, nên đã bị thực dân ph- ơng Tây đàn áp. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi vẫn tiếp tục phát triển trong thế kỉ XX.

2. Khu vực Mĩ Latinh

- Ngay từ thế kỉ XVI, XVII, hầu hết các n- ớc Mĩ Latinh đã trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

- Sự thống trị của chủ nghĩa thực dân là nguyên nhân dẫn tới cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc Mĩ Latinh. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Mĩ Latinh diễn ra quyết liệt và nhiều n- ớc giành độc lập ngay từ đầu thế kỉ XIX.

- Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc ở Mĩ Latinh là cuộc khởi nghĩa năm 1791 ở Haiti, d- ưới sự lãnh đạo của Tútxanh Luvécuya, dẫn tới sự ra đời n- ớc Cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ Latinh. Tiếp đó là cuộc đấu tranh giành độc lập ở □chentina (1816), Mêhicô và Pêru (1821),... Chỉ 2 thập kỉ đầu thế kỉ XIX đấu tranh quyết liệt, các quốc gia độc lập ở Mĩ Latinh lần l- ợt hình thành. Đây là thắng lợi to lớn của nhân dân Mĩ Latinh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân châu Âu.

- Sau khi giành đ- ợc độc lập, nhân dân Mĩ Latinh lại phải tiếp tục đấu tranh chống lại chính sách bành tr- ợng của Mĩ đối với khu vực này.

- Quan sát hình 13. *L- ọc đồ khu vực Mĩ Latinh đầu thế kỉ XIX* - SGK và xác định vị trí, thời gian các n- ớc giành đ- ợc độc lập.

Chủ đề 2

Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)

- Mâu thuẫn giữa các n- ớc đế quốc và sự hình thành hai khối quân sự đối địch ở Châu Âu.

- Hai giai đoạn chính của chiến tranh, những diễn biến chính của chiến sự.

- Hậu quả của chiến tranh thế giới thứ nhất.

1. Nguyên nhân của chiến tranh

- Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự phát triển không đều giữa các n- ớc t- bản về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực l- ợng giữa các n- ớc đế quốc.

Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa đã dẫn tới các cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên: chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha (1898); chiến tranh Anh - Bôơ (1899 - 1902); chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).

- Để chuẩn bị một cuộc chiến tranh lớn nhằm tranh giành thị tr- ờng, thuộc địa, các n- ớc đế quốc đã thành lập hai khối quân sự đối lập : Khối liên minh gồm Đức - áo - Hung (1882) và khối hiệp - ớc của Anh, Pháp và Nga (1907). Cả hai khối đều tích cực chạy đua vũ trang nhằm tranh nhau làm bá chủ thế giới.

- Quan sát hình 14: *L- ọc đồ hai khối quân sự trong chiến tranh thế giới thứ giới thứ nhất* - SGK, xác định vị trí và tên các n- ớc trong phe Liên minh và các n- ớc trong phe Hiệp - ớc.

2. Diễn biến của chiến tranh

- Giai đoạn thứ nhất (1914- 1916)

+ Sau sự kiện Thái tử □o - Hung bị một ng- ời Xécbi ám sát (ngày 28 - 6 1914), từ ngày 1 đến ngày 3 - 8, Đức tuyên chiến với Nga và Pháp. Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

+ □ giai đoạn này, Đức tập trung l- ọc l- ợng về phía tây nhằm nhanh chóng thôn tính n- ớc Pháp. Do quân Nga tấn công quân Đức ở phía đông, nên n- ớc Pháp đ- ợc cứu nguy. Từ năm 1916, chiến tranh chuyển sang thế cầm cự đối với cả hai phe.

+ Chiến tranh bùng nổ, cả hai phe đều lôi kéo thêm nhiều n- ớc tham gia và sử dụng nhiều loại vũ khí hiện đại đã giết hại và bị làm th- ơng hàng triệu ng- ời.

- Giai đoạn thứ hai (1917 - 1918)

+ Tháng 2 - 1917, Cách mạng tháng Hai ở Nga diễn ra, phong trào cách mạng ở các nước dân chủ cao buộc phải tham chiến và đứng về phe Hiệp - ước (4-1917), vì thế phe liên minh liên tiếp bị thất bại.

+ Từ cuối năm 1917, phe Hiệp - ước liên tiếp mở các cuộc tấn công làm cho đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.

+ Ngày 11 - 11 - 1918, Đức đầu hàng vô điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của phe Liên đồng minh.

3. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất

- Chiến tranh gây nên nhiều tai họa cho nhân loại: 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương, nhiều thành phố, làng mạc, đường xá bị phá hủy,... chi phí chiến tranh lên tới 85 tỉ đôla.

- Chiến tranh chỉ đem lại lợi ích cho các nước đế quốc thắng trận, nhất là Mỹ. Bản đồ chính trị thế giới bị chia lại: Đức mất hết thuộc địa Anh, Pháp và Mỹ,... Đức mở rộng thêm thuộc địa của mình.

- Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối của chiến tranh, phong trào cách mạng thế giới tiếp tục phát triển, đặc biệt là sự bùng nổ và giành thắng lợi của Cách mạng tháng Mười ở Nga.

- Giải thích được chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc phi nghĩa.

Chủ đề 3

NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

A - Chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình

- Hiểu biết về các thành tựu văn hoá, nghệ thuật (văn học, âm nhạc, mỹ thuật, kiến trúc,...) thời cận đại.

- Trình bày được ý nghĩa của những thành tựu nói trên đối với đời sống con người thời cận đại.

1. Sự phát triển của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại

- Về văn học có La Fonten (1621 - 1695), nhà ngụ ngôn, nhà văn cổ điển; Coóc-nây (1606 - 1684), đại biểu của nền bi kịch cổ điển mô-đern (1622 - 1673),... Đây là những nhà văn hoá nổi tiếng của nước Pháp.

- Về âm nhạc có Bét-tô-ven, nhà soạn nhạc thiên tài người Đức Mô-đan (1756 - 1791), nhạc sĩ vĩ đại người Ý,...

- Về hội họa có Rem-bran (1606 - 1669), họa sĩ nổi tiếng người Hà Lan.

- Về t- t- ởng với các nhà Triết học □nh sáng thế kỉ XVII - XVIII nh- : Môngtexkiơ, Rútxô, Vôn-te.

2. Thành tựu về văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

- Về văn học: Tiêu biểu là nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch ng- ời Pháp Víchto Huygô (1802 - 1885) với tác phẩm *Những ng- ời khốn khổ*; Lép Tônxtôi (1828 - 1910) nhà văn Nga với tác phẩm *Chiến tranh và hoà bình*, *Anna Karênina...*, Mác Tuên (1835 - 1910) nhà văn lớn ng- ời Mĩ..., Bandắc (Pháp), Andécxen (Đan Mạch), Puskin (Nga), Giắc Lon đơn (Mĩ), Lỗ Tấn (Trung Quốc, Hôxê Ridan (philípin) Hôxê Mácti (Cuba).

- Về nghệ thuật: Các lĩnh vực nghệ thuật nh- kiến trúc, âm nhạc, điêu khắc rất phát triển với các hoạ sĩ nổi tiếng nh- : Van Gốc (Hà Lan), Phugita (Nhật Bản), Picátxô (Tây Ban Nha), Lêvitơ (Nga); nhạc sĩ nh- Traicốpki.

- Quan sát hình 17, 18, 19 - SGK để biết đ- ọc một số tác giả tiêu biểu về văn học, nghệ thuật thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

3. Trào l- u t- t- ởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

- Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không t- ởng:

+ Sự phát triển của chủ nghĩa t- bản giữa thế kỉ XIX gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Trong hoàn cảnh ấy, một số nhà t- t- ởng tiến bộ đ- ơng thời đã nghĩ đến việc xây dựng một xã hội mới, không có t- hữu, không có bóc lột, nhân dân làm chủ các ph- ơng tiện sản xuất của mình.

+ Nổi tiếng nhất là các nhà văn t- t- ởng nh- : Xanh Ximông (1760 - 1825), Phuriê (1772 - 1837) ở Pháp và Ôoen (1771 - 1858) ở Anh.

+ Đó là những nhà xã hội không t- ởng, vì t- t- ởng của họ không thể thực hiện đ- ợc trong điều kiện chủ nghĩa t- bản vẫn đ- ợc duy trì và phát triển.

- Triết học Đức: Hêghen và Phoiơbách là những nhà triết học nổi tiếng của Đức.

Hêghen là nhà triết học duy tâm khách quan.

Phoiơbách tuy đứng trên lập tr- ờng chủ nghĩa duy vật, nh- ng siêu hình khi xem những thời kì lịch sử xã hội loài ng- ời không hề phát triển mà chỉ có khác nhau do sự thay đổi về tôn giáo.

- Chủ nghĩa xã hội khoa học:

+ Cùng với sự hình thành và phát triển của giai cấp vô sản, phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác và Ăngghen sáng lập,

đ- ọc Lenin phát triển trong điều kiện chủ nghĩa t- bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và phong trào đấu tranh của công nhân phát triển mạnh mẽ.

+ Học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là sự kế thừa có chọn lọc và phát triển những thành tựu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội mà loài ng- ời đã đạt đ- ọc, chủ yếu từ đầu thế kỉ XIX.

+ Các tác gia kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học xây dựng học thuyết của mình trên quan điểm, lập tr- ờng của giai cấp công nhân, thực tiễn đấu tranh của phong trào cách mạng vô sản thế giới, từ đó hình thành hệ thống lí luận mới, vừa cách mạng vừa khọc học.

+ Học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm ba bộ phận chính: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm ba bộ phận chính: triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Chủ nghĩa Mác - Lenin là c- ơng lĩnh cách mạng cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa t- bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản và mở ra một kỉ nguyên mới cho sự phát triển của khoa học (cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn).

- Quan sát các hình 20, 21, 22 - SGK, đánh giá vai trò của các nhà t- t- ởng cũng nh- các trào l- u t- t- ởng tiến bộ thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

Chủ đề 4

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

- Trình bày đ- ọc những nội dung chính và những sự kiện lịch sử tiêu biểu của lịch sử thế giới cận đại.

- Biết lập bảng hệ thống các sự kiện lịch sử chính.

1. Những kiến thức cơ bản cần ôn tập

Phần này, giáo viên tổ chức cho học sinh ôn tập, ghi nhớ và hiểu những sự kiện cơ bản theo những vấn đề lớn của lịch sử thế giới cận đại nh- : cách mạng t- sản, phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc... Có thể kết hợp với mục 3. Bài tập thực hành, trong SGK để tổ chức cho học sinh nhớ lại kiến thức đã học và hoàn thành các bảng niên biểu hoặc thống kê các sự kiện lớn của lịch sử thế giới cận đại.

2. Nhận thức đúng những vấn đề chủ yếu

- Bản chất của cuộc cách mạng t- sản:

+ Dù hình thức, diễn biến và kết quả đạt đ- ọc khác nhau, song đều có nguyên nhân sâu xa và cơ bản giống nhau, cùng nhằm mục tiêu chung (giải

quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời với lực lượng sản xuất mới - t- bản chủ nghĩa).

+ Thắng lợi của cách mạng t- sản ở những mức độ khác nhau đều tạo điều kiện cho chủ nghĩa t- bản phát triển.

- Những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là thời kì phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của chủ nghĩa t- bản: chủ nghĩa t- bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển dần sang giai đoạn độc quyền, lúc đế quốc chủ nghĩa.

Chủ nghĩa đế quốc có những đặc trưng riêng, song về bản chất của chủ nghĩa t- bản vẫn không thay đổi mà chỉ làm cho mâu thuẫn vốn có và mâu thuẫn mới nảy sinh thêm trầm trọng.

- Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản vật sản, hai giai cấp cơ bản của xã hội t- bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc, dẫn đến cuộc đấu tranh của vô sản chống lại t- sản ngày càng mạnh mẽ.

Phong trào đấu tranh này phát triển từ "tự phát" đến "tự giác" và là cơ sở cho sự ra đời học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học mà Mác và Ăngghen là những người sáng lập.

Chủ nghĩa Mác đã dẫn phong trào đấu tranh của công nhân từng bước đi đến thắng lợi, dù phải trải qua những bước thăng trầm, những thất bại.

- Chủ nghĩa t- bản phát triển gắn liền với cuộc xâm chiếm thuộc địa ở Châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

- Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa là nguyên nhân chủ yếu gây ra chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Ngay từ đầu, nhân dân các nước bị xâm lược đã đấu tranh mạnh mẽ chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc và sau đó chống thế lực phong kiến tay sai.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (từ 1917 - 1945)

Chủ đề 1

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGƯỜI NGƯỜI NĂM 1917

VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

- Hiểu được vì sao năm 1917 nước Nga tiến hành hai cuộc cách mạng.

- Trình bày được quá trình chuyển biến từ Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai sang Cách mạng tháng Mười.

- Hiểu nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (tiến hành công nghiệp hoá và tập thể hoá nông nghiệp...).

I- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917

a) Tình hình nước Nga trước cách mạng

- Những nét nổi bật của tình hình nước Nga trước cách mạng:

+ Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, với sự thống trị của Nga hoàng và những tàn tích phong kiến nặng nề (chế độ sở hữu ruộng đất lớn của địa chủ, quý tộc,...).

+ Năm 1914, nước Nga tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất và càng bộc lộ sự lạc hậu, yếu kém của đất nước.

+ Nước Nga còn là "nhà tù" của các dân tộc, với sự thống trị tàn bạo của chế độ Nga hoàng đối với hơn 100 dân tộc trong đế quốc Nga.

- Từ tình hình trên, nước Nga trở thành nơi tập trung các mâu thuẫn gay gắt của thời đại (mâu thuẫn giữa công nhân và chủ tư bản, giữa nông dân và địa chủ, giữa các dân tộc không phải Nga và chế độ Nga hoàng...). Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp cả nước. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

- Quan sát hình 23. Những người lính Nga ngoài mặt trận, tháng 1-1917-SGK và nhận xét về tình hình nước Nga trước cách mạng.

b) Từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười

- Tháng Hai năm 1917, cuộc cách mạng dân chủ tư sản bùng nổ ở Nga, với sự kiện mở đầu là cuộc biểu tình của 9 vạn nữ công nhân ở thủ đô Pêtrôgrat (nay là Xanh Pêtéc-bua). Phong trào đấu tranh lan rộng trong cả nước. Chế độ quân chủ Nga hoàng bị lật đổ, nước Nga trở thành nước Cộng hòa.

- Ngay sau cuộc Cách mạng tháng Hai, một tình hình phức tạp đã diễn ra - đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại (Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và Chính quyền Xô Viết của công nhân nông dân và binh lính) với mục tiêu và đường lối chính trị khác nhau.

- Để giải quyết tình hình phức tạp đó, V. Lênin đã đề ra Luận cương tháng Tư, chỉ ra mục tiêu đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những diễn biến sau đó của cách mạng là dấu ánh sáng của Luận cương tháng Tư.

- Đêm 24/10/1917, cuộc khởi nghĩa đã bùng nổ và thắng lợi ở thủ đô Pêtrôgrat. Chính phủ lâm thời bị lật đổ. Đến đầu năm 1918, cuộc cách mạng thắng lợi trên phạm vi cả nước cùng sự thành lập Chính quyền Xô viết các cấp từ trung ương đến địa phương.

2. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Chính quyền Xô viết

a) Xây dựng Chính quyền Xô viết

- Ngay trong đêm 25/10/1917, Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai đã tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết. Nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà n-ớc cũ và xây dựng bộ máy nhà n-ớc mới của nhân dân lao động.

- Chính quyền Xô viết đã thông qua hai sắc lệnh lịch sử - Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất. Chính quyền Xô viết còn nhanh chóng xoá bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến (nh- sự phân biệt đẳng cấp...) tuyên bố quyền dân tộc tự quyết và các quyền tự do dân chủ khác (nam nữ bình đẳng...), tiến hành quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp t- sản...

b) Bảo vệ Chính quyền Xô viết

- Từ cuối năm 1918, quân đội của 14 n-ớc đế quốc câu kết với các lực l- ợng phản động trong n-ớc mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt n-ớc Nga Xô viết non trẻ.

- Cuộc chiến ác liệt kéo dài ba năm (1918 - 1920). Chính quyền Xô viết thực hiện chính sách cộng sản thời chiến với việc Nhà n-ớc kiểm soát toàn bộ (độc quyền) nền công nghiệp, tr- ng thu l- ợng thực thừa của nông dân, thi hành chế độ lao động c- ỡng bức, nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất n-ớc phục vụ cho cuộc chiến đấu...

- Tới cuối năm 1920, cuộc can thiệp vũ trang của 14 n-ớc đế quốc đã bị đánh bại, Chính quyền Xô viết đ- ợc bảo vệ và giữ vững.

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng M- ời Nga

- Cách mạng tháng M- ời đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất n-ớc và xã hội Nga - nhân dân lao động, các dân tộc trong đế quốc Nga đ- ợc giải phóng, làm chủ đất n-ớc, làm chủ vận mệnh của mình.

- Cách mạng tháng M- ời Nga đã làm thay đổi cục diện thế giới với sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa ở n-ớc Nga, cổ vũ, thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

II- LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1941)

a) Chính sách kinh tế mới

- Năm 1921, n-ớc Nga Xô viết b- ớc vào thời kì hoà bình, xây dựng đất n-ớc trong hoàn cảnh cực kì khó khăn: nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng, tình hình chính trị - xã hội không ổn định, bạo loạn xảy ra ở khắp nơi.

- Tháng 3/1921, V.I.Lênin đề ra *chính sách kinh tế mới*, bao gồm các chính sách quan trọng về nông nghiệp, công nghiệp, th- ợng nghiệp và tiền tệ; trong đó quan trọng nhất là thay thế chế độ tr- ng thu l- ợng thực thừa bằng chế độ thu

thuế l-ong thực; cho phép tự do buôn bán nhằm khôi phục, đẩy mạnh mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn; t- nhân và t- bản n- ớc ngoài đ- ợc khuyến khích kinh doanh, đầu t- ở Nga đ- ới sự kiểm soát của nhà n- ớc, nhà n- ớc chỉ nắm các ngành kinh tế chủ chốt.

- Chính sách kinh tế mới đã thu đ- ợc những kết quả to lớn: nền kinh tế n- ớc Nga đã đ- ợc khôi phục và đ- a lại sự chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế do nhà n- ớc nắm độc quyền về mọi mặt sang *nền kinh tế nhiều thành phần*, nh- ng vẫn đặt đ- ới sự kiểm soát của Nhà n- ớc.

- Quan sát hình 26 - SGK và nêu nhận xét về tác động của Chính sách kinh tế mới đối với nền kinh tế n- ớc Nga.

b) Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Nhằm tăng c- ờng sức mạnh về mọi mặt của công cuộc xây dựng và bảo vệ đất n- ớc, tháng 12/1922, *Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết* (Liên Xô) đã đ- ợc thành lập gồm 4 n- ớc cộng hoà đầu tiên là: Nga, Ucraina, Bêlôrút-xia và Ngoại Capadơ.

- T- t- ờng chỉ đạo cơ bản của V.I.Lênin trong việc thành lập Liên bang Xô viết là sự bình đẳng chủ quyền về mọi mặt và quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc, sự giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Ngày 21/1/1924, V.I. Lênin qua đời, đây là một tổn thất to lớn đối với nhân dân Liên Xô, giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

2. Công Cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 - 1941)

a) Những kế hoạch 5 năm đầu tiên

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, nhân dân Liên Xô b- ớc vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, với nhiệm vụ trọng tâm là *tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa* theo đ- ờng lối - u tiên phát triển công nghiệp nặng (công nghiệp chế tạo máy móc, công nghiệp năng l- ợng, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp quốc phòng...).

- Liên Xô đã từng b- ớc giải quyết thành công các ấn đề liên quan tới công cuộc công nghiệp hoá nh- : vốn đầu t- , đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề...

- Từ năm 1928, Liên Xô bắt đầu thực hiện các kế hoạch 5 năm phát triển dài hạn. Sau khi thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1933) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 - 1937), Liên Xô đã đạt đ- ợc nhiều thành tựu to lớn, đ- a Liên Xô từ một n- ớc nông nghiệp trở thành một c- ờng quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản l- ợng công nghiệp chiếm tới 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.

Trong *nông nghiệp* đã tiến hành *tập thể hoá* với sự tham gia của 93% số nông hộ, chiếm 90% diện tích đất canh tác cùng sự cơ giới hoá nông nghiệp.

Về *văn hoá - giáo dục*, Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân và nền văn hoá - nghệ thuật Xô viết (văn học, điện ảnh, âm nhạc...).

Về *xã hội*, các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, chỉ còn hai giai cấp lao động là công nhân và nông dân tập thể cùng tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa.

- Bên cạnh những thành tựu to lớn là chủ yếu, trong suốt thời kì này Ban lãnh đạo Liên Xô đã phạm phải một số sai lầm, thiếu sót như: không coi trọng nguyên tắc tự nguyện của nông dân trong tập thể hoá, chưa chú ý đúng mức việc đảm bảo và nâng cao đời sống nhân dân...

- Quan sát hình 27. Lược đồ Liên Xô năm 1940 - SGK, xác định trên lược đồ vị trí các nước Cộng hòa thuộc Liên bang Xô viết.

- Quan sát hình 27 - SGK, để biết thêm về những thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô.

b) Quan hệ đối ngoại của Liên Xô

- Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết đã từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước ở châu Âu và châu Á.

- Từ năm 1921, khi bước vào thời kì hoà bình xây dựng đất nước, Liên Xô đã kiên trì đấu tranh trong quan hệ quốc tế, từng bước phá vỡ chính sách bao vây về kinh tế và cô lập về ngoại giao của các nước quốc tế, khẳng định địa vị quốc tế của Nhà nước Xô viết.

- Đến đầu năm 1925, Liên Xô đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với trên 20 quốc gia, trong đó có các nước lớn như Đức, Anh, Italia, Pháp, Nhật..., riêng với Mỹ phải tới năm 1933.

Chủ đề 2

CÁC NƯỚC TỰ DO - BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Tình hình khái quát ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ nhất: Hội nghị hoà bình ở Vécxai, hệ thống Vécxai - Oasinhton.

- Cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở châu Âu và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (Đại hội II, VII).

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và tình hình ở các nước Đức, Mỹ, Nhật Bản; phong trào chống phát xít ở Pháp, Italia, Tây Ban Nha...

I. TÌNH HÌNH CÁC N- ỚC T- BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

1. Thiết lập trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhton

- Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các n- ớc t- bản thắng trận đã tổ chức Hội nghị hoà giải ở Vécxai (1918 - 1919) và Oasinhton (1921 - 1922) để kí kết hoà - ớc vắcx hiệp - ớc phân chia quyền lợi.

- Một trật tự thế giới mới đã đ- ợc xác lập, th- ờng đ- ợc gọi là *hệ thống Vécxai - Oasinhton*. Các n- ớc Anh, Pháp, Mĩ, Nhật Bản giành đ- ợc nhiều quyền lợi về kinh tế cũng nh- áp đặt sự nô dịch với các n- ớc bại trận và các dân tộc thuộc địa phụ thuộc.

- Hội nghị Vécxai còn quyết định thành lập Hội Quốc liên, nhằm duy trì trật tự thế giới mới, với dự tham gia của 44 quốc gia thành viên.

- Quan sát hình 29. *Sự thay đổi bản đồ chính trị châu Á theo hệ thống Vécxai - Oasinhton* - SGK, so sánh sự thay đổi lãnh thổ các n- ớc châu Âu năm 1923 so với năm 1914.

2. Cao trào cách mạng 1918 - 1923 và sự thành lập Quốc tế Cộng sản

- Cao trào cách mạng:

+ Do hậu quả nặng nề của chiến tranh thế giới thứ nhất và những ảnh h- ớng của thắng lợi Cách mạng tháng M- ời Nga, một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở hầu khắp các n- ớc t- bản châu âu trong những năm 1918 - 1923.

+ Đỉnh cao của cao trào là sự thành lập Nhà n- ớc Cộng hoà Xô viết ở Hunggari (3 - 1919) và ở Bavie (Đức, 4 - 1919).

- Quốc tế Cộng sản thành lập và hoạt động: + Từ cao trào cách mạng, các Đảng cộng sản đã đ- ợc thành lập ở nhiều n- ớc nh- ở Đức, □o, Hunggari, Ba Lan, □hentina,...

+ Nhằm đáp ứng những đòi hỏi về mặt tổ chức của phong trào cộng sản quốc tế, tháng 3 - 1919 tại Matxcova *Quốc tế cộng sản* đã đ- ợc thành lập. Trong thời gian tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943, qua 7 kỳ đại hội, Quốc tế Cộng sản đã đề ra đ- ờng lối cách mạng phù hợp với từng thời kỳ phát triển của cách mạng thế giới.

Đại hội lần thứ II (1920) và Đại hội lần thứ VII (1935) có ý nghĩa quan trọng và nổi bật trong lịch sử Quốc tế Cộng sản.

3. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và những hậu quả của nó.

- Nguyên nhân: Sản xuất ô ạt, chạy theo lợi nhuận, không t- ơng xứng với việc cải thiện đời sống cho ng- ời lao động, dẫn đến cuộc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế (khủng hoảng thừa).

- Tháng 10-1929, cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ ở Mỹ, sau đó nhanh chóng lan ra toàn bộ thế giới t- bản. Đây là cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử của chủ nghĩa t- bản và đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đối với các n- ớc t- bản và các n- ớc thuộc địa.

- Các n- ớc t- bản đều ra sức tìm lối thoát ra khỏi khủng hoảng và duy trì ách thống trị của giai cấp t- sản. Các n- ớc nh- Mỹ, Anh, Pháp đã tiến hành về những cải cách về kinh tế - xã hội. Các n- ớc khác nh- Đức, Italia, Nhật Bản lại tìm kiếm lối thoát bằng những hình thức thống trị mới với việc thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nên chuyên chế khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

- Quan sát hình 30 - SGK để biết thêm về hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

4. Phong trào Mặt trận Nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

Ngay từ đầu những năm 30 thế kỉ XX, d- ới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, phong trào chống phát xít, chống chiến tranh đã diễn ra sôi nổi ở nhiều n- ớc. Trên cơ sở những ng- ời cộng sản thiết lập đ- ợc sự thống nhất hành động với những ng- ời xã hội - dân chủ và các lực l- ợng yêu n- ớc khác, *Mặt trận Nhân dân chống chủ nghĩa phát xít* đã đ- ợc thành lập ở nhiều n- ớc nh- Pháp, Tiệp Khắc, Tây Ban Nha...

- Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5/1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành đ- ợc thắng lợi và thành lập Chính phủ do Lêông Bôlun (Đảng xã hội) làm Thủ t- ớng. Nhờ đó, Mặt trận Nhân dân đã bảo vệ đ- ợc nền dân chủ, đ- a n- ớc Pháp thoát khỏi những hiểm hoạ của chủ nghĩa phát xít. Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân ở Pháp là sự kiện tiêu biểu và mang lại nhiều bài học quý báu cho phong trào chống phát xít và nguy cơ chiến tranh ở các n- ớc.

- Tháng 2/1936, ở Tây Ban Nha, Mặt trận Nhân dân giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử và thành lập Chính phủ của Mặt trận. Nh- ng các thế lực phát xít do Phrancô cầm đầu, đ- ợc sự giúp đỡ của các n- ớc đế quốc đã gây nội chiến, thủ tiêu nền cộng hoà.

- Quan sát hình 31. *Lêông Bôlun (phải) - ng- ời đứng đầu Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp năm 1936* - SGK và nhận xét về vai trò của mặt trận này.

- Liên hệ đến tình hình Việt nam trong thời kì 1936 - 1939.

II- N- ỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

1. N- ớc Đức trong những năm 1918 - 1929

a) N- ớc Đức và cao trào cách mạng 1918 - 1923

Sự bại trận của n-ớc Đức trong chiến tranh thế giới thứ nhất với những hậu quả nặng nề đã làm cho những mâu thuẫn xã hội trở lên gay gắt.

- Tháng 11-1918, đã nổ ra cuộc cách mạng dân chủ t- sản, lật đổ chế độ quân chủ. Mùa hè năm 1919, với bản Hiến pháp mới đ-ợc thông qua *nền Cộng hoà Vaima* đ-ợc thiết lập.

- Tháng 6/1919, Chính phủ Đức kí kết Hoà -ớc Vécxai với các n-ớc thắng trận và phải chịu những điều kiện hết sức nặng nề. N-ớc Đức lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính tồi tệ ch- a từng thấy.

- Trong bối cảnh đó, phong trào cách mạng tiếp tục diễn ra mạnh mẽ với những sự kiện quan trọng: Đảng Cộng sản Đức đ-ợc thành lập (12/1918), cuộc nổi dậy của công nhân vùng Bavie dẫn tới sự ra đời của n-ớc Cộng hoà Xô viết Bavie, cuộc khởi nghĩa của công nhân thành phố cảng Hambuốc (10/1923) là âm h-ởng cuối cùng của cao trào cách mạng vô sản 1918 - 1923 ở Đức.

- Quan sát hình 32 - SGK để nhận biết thêm về tình hình nổi bật của n-ớc Đức sau chiến tranh.

b) Những năm ổn định tạm thời (1924 - 1929)

- Từ cuối năm 1923, n-ớc đức đx v-ợt qua đ-ợc thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị. Chính quyền t- sản đã đẩy lùi phong trào cách mạng của công nhân và quần chúng lao động. Nền Cộng hoà Vaim và quyền lực của giới t- bản độc quyền đ-ợc củng cố.

- Về đối ngoại, địa vị quốc tế của n-ớc Đức dần đ-ợc khôi phục với việc tham gia Hội Quốc liên, kí kết hiệp -ớc với nhiều n-ớc, trong đó có Liên Xô.

2. N-ớc Đức trong những năm 1929 - 1933

a) Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc xã lên cầm quyền

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã giáng một đòn hết sức nặng nề đối với nền kinh tế Đức. Năm 1932, sản xuất công nghiệp giảm tới 47% so với trwocks khủng hoảng, hàng nghìn nhà máy phải đóng cửa, khiến 5 triệu ng-ời thất nghiệp,... Đất n-ớc lâm vào khủng hoảng chính trị - xã hội trầm trọng.

- Trong bối cảnh ấy, Đảng Quốc xã của Hítle đã ráo riết hoạt động, đẩy mạnh tuyên truyền, kích động chủ nghĩa phục thù, chống cộng và phát xít hoá bộ máy nhà n-ớc. Đ-ợc sự ủng hộ của giới đại t- bản và lợi dụng sự hợp tác bất thành giữa Đảng cộng sản Đức và Đảng Xã hội dân chủ Đức,... ngày 30/1/1933, Hítle đã đ-ợc đ- a lên làm Thủ t-ớng và thành lập chính phủ mới của đảng Quốc xã. N-ớc Đức b-ớc vào một thời kì đen tối.

- Quan sát hình 33. *Tổng thống Hindenbua trao quyền Thủ t-ớng cho Hítle ngày 30/1/1933* - SGK và nêu nhận xét về ảnh h-ởng của sự kiện này đối với n-ớc Đức và thế giới.

b) N- ớc Đức trong những năm 1933 - 1939

Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hítle đã thiết lập nền chuyên chế độc tài khủng bố công khai với chính sách đối nội cực kì phản động và đối ngoại hiếu chiến xâm l- ợc.

- *Về chính trị*: Chính phủ Hítle công khai đàn áp, truy nã các đảng phái dân chủ, tiến bộ, tr- ớc hết đối với Đảng Cộng sản Đức, tuyên bố huỷ bỏ Hiến pháp Vaima.

- *Về kinh tế*: đẩy mạnh việc quân sự hoá nền kinh tế nhằm phục vụ các yêu cầu chiến tranh xâm l- ợc. Năm 1938, tổng sản l- ợng công nghiệp của Đức tăng 28% so với tr- ớc khủng hoảng và đứng đầu châu Âu t- bản về số l- ợng thép và điện.

- *Về đối ngoại*: chính quyền Hítle ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chuẩn bị chiến tranh, nhất là từ năm 1935 khi ban hành lệnh tổng động viên, thành lập quân đội th- ờng trực và triển khai các hoạt động xâm l- ợc ở châu Âu. Tới năm 1938, n- ớc Đức đã trở thành *một x- ưởng đúc súng và một trại lính khổng lồ* và bắt đầu triển khai các hành động chiến tranh xâm l- ợc.

- Quan sát hình 34 - SGK và nhận xét về chính sách đối nội, đối ngoại của Hítle.

III- N- ỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

1. N- ớc Mĩ trong những năm 1918 - 1929

a) Tình hình kinh tế

- Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đem lại "những cơ hội vàng" cho n- ớc Mĩ, nền kinh tế đạt mức tăng tr- ởng cao, cùng với việc thực hiện ph- ơng pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất. Trong thập niên 20 thế kỉ XX, nền kinh tế Mĩ b- ớc vào thời kì phồn vinh và Mĩ trở thành n- ớc t- bản giàu mạnh nhất (năm 1929, Mĩ chiếm 48% sản l- ợng công nghiệp và 60% số vàng dự trữ của thế giới).

- Tuy nhiên nền kinh tế Mĩ vẫn tồn tại một số hạn chế nh- : nhiều ngành công nghiệp không sử dụng hết công suất máy móc, hoặc thiếu sự cân đối giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và tiêu dùng...

b) Tình hình chính trị - xã hội

- Chính phủ của Đảng Cộng hoà cầm quyền trong những năm 20 đã thi hành chính sách đàn áp phong trào công nhân, phong trào dân chủ tiến bộ và không quan tâm cải thiện đời sống của ng- ời lao động, ng- ời da đen và dân trại.

- Trong thời kỳ này phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, đ- ờng sắt,... tháng 5/1921,

Đảng Cộng sản Mĩ đ- ợc thành lập, đánh dấu sự phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

2. N- ớc Mĩ trong những năm 1929 - 1939

a) Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ

- Cuối tháng 10/1929, cuộc khủng hoảng bất ngờ nổ ra ở Mĩ bắt đầu từ lĩnh vực tài chính - ngân hàng, sau đó nhanh chóng lan sang các ngành công nghiệp, nông nghiệp và th- ơng nghiệp.

- Cuộc khủng hoảng đã chấm dứt thời kì hoàng kim và tàn phá nghiêm trọng nền kinh tế Mĩ. Năm 1932, sản xuất công nghiệp chỉ còn 53% (so với 1929), 75% dân trại bị phá sản, hàng chục triệu ng- ời thất nghiệp,...

- Các mâu thuẫn xã hội trở lên gay gắt, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng trong cả n- ớc.

b) Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ph.Rudoven

- Để đ- a n- ớc Mĩ thoát khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống Mĩ Rudoven đã đề ra một hệ thống các chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực kinh tế - tài chính, chính trị - xã hội, đ- ợc gọi chung là *chính sách mới*.

- Chính sách mới bao gồm một loạt *các đạo luật về ngân hàng, phục h- ng công nghiệp...* dựa trên sự can thiệp tích cực của Nhà n- ớc.

- Chính sách mới của Tổng thống Rudoven đã giải quyết đ- ợc một số vấn đề cơ bản của n- ớc Mĩ trong cơn khủng hoảng nguy kịch và duy trì chế độ dân chủ t- sản ở Mĩ.

- Về đối ngoại, Chính phủ Rudoven đề ra *Chính sách láng giềng thân thiện* nhằm cải thiện quan hệ với các n- ớc Mĩ Latinh và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô (11/1933). Tr- ớc nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới, Chính phủ Rudoven đã thông qua hàng loạt các đạo luật đ- ợc gọi là trung lập, nh- ng trên thực tế đã góp phần khuyến khích chính sách hiếu chiến xâm l- ợc của chủ nghĩa phát xít.

- Quan sát hình 37 - SGK nhận xét về Chính sách mới do chính quyền Tổng thống Rudoven đề ra.

IV- NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

1. Nhật Bản trong những năm 1918 - 1929

a) Nhật Bản trong những năm đầu sau chiến tranh (1918 - 1923)

Trong cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, Nhật bản hầu nh- không tham chiến, nh- ng lại thu đ- ợc nhiều món lợi. Lợi dụng khi các n- ớc t- bản châu Âu đang trong cuộc chiến ác liệt, Nhật Bản đẩy mạnh sản xuất hàng hoá và xuất khẩu. Sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng của Nhật Bản đã tăng

tr-ởng rất nhanh (1914 - 1919, sản l-ợng công nghiệp tăng 5 lần, giá trị xuất khẩu tăng 4 lần).

- Tuy nhiên sau chiến tranh, kinh tế Nhật lại lâm vào khủng hoảng. Do nhiều nguyên nhân, sản xuất nông nghiệp ngày càng trì trệ, làm cho giá cả l-ợng thực, thực phẩm trở lên hết sức đắt đỏ.

- Sau chiến tranh, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ. Đó là các cuộc nổi dậy phá kho thóc, dẫn đến cuộc "Bạo động lúa gạo" năm 1918, lan rộng trong cả n-ớc, lôi cuốn tới 10 triệu ng-ời tham gia; các cuộc bãi công của công nhân ở các trung tâm công nghiệp nh- Côbê, Nagôia, Ôxaca...

- Tháng 7/1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản đ- ợc thành lập.

b) Nhật Bản trong những năm ổn định (1924 - 1929)

- Về kinh tế, sự ổn định của Nhật Bản diễn ra ngắn ngủi vạtf đầu năm 1927 đã lâm vào khủng hoảng. Có tới 30 ngân hàng ở Thủ đô Tôkiô phá sản, sản xuất trong n-ớc suy giảm, các nhâmy chỉ sử dụng từ 20% đến 25% công suất máy móc.

- Về chính trị, đầu những năm 20, chính phủ Nhật Bản đã thi hành một số cải cách chính trị. Năm 1927, Thủ t-ớng Tanaka đã đệ trình một bản *Tấu thỉnh* lên Nhật Hoàng, chủ tr-ợng thi hành chính sách đối nội và đối ngoại hiếu chiến.

2. Khủng hoảng kinh tế và quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà n- ớc ở Nhật Bản

a) Khủng hoảng kinh tế ở Nhật Bản

- Trong những năm 1929 - 1933, cả thế giới t- bản đắm chìm trong khủng hoảng kinh tế. Nh- ng sớm hơn nhiều n- ớc t- bản khác, năm 1931 kinh tế Nhật Bản đã lâm vào tình trạng tồi tệ nhất: sản l-ợng công nghiệp giảm 32,5%, ngoại th-ợng giảm 80% so với năm 1929; nông dân bị mất mùa phá sản, có tới 3 triệu công nhân thất nghiệp,...

- Mâu thuẫn xã hội trở lên hết sức gay gắt.

b) Quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà n- ớc

- Nhằm khắc phục những hậu quả của khủng hoảng và giải quyết những khó khăn trong n- ớc, giới cầm quyền Nhật Bản chủ tr-ợng *quân phiệt hoá bộ máy nhà n- ớc, gây chiến tranh xâm l- ợc, bành tr- ợng ra bên ngoài.*

- Khác với ở đứcc, do những bất đồng trong nội bộ giới cầm quyền, quá trình quân phiệt hoá ở Nhật Bản kéo dài trong suốt thập kỉ 30.

- Cùng với việc quân phiệt hoá bộ máy nhà n- ớc, tăng c- ờng chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm l- ợc Trung Quốc.

Năm 1933, Nhật Bản xâm chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc, dựng lên cái gọi là "Mãn Châu Quốc" do Phổ Nghi - Hoàng đế cuối cùng của triều đình Mãn Thanh đứng đầu. Nhật Bản đã nhen lên lò lửa chiến tranh đầu tiên trên thế giới.

- Quan sát hình 38. *Quân đội Nhật Bản chiếm Mãn Châu* - SGK và nêu nhận xét về chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

3. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống chủ nghĩa quân phiệt

Trong những năm 30 thế kỉ XX, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của các tầng lớp nhân dân Nhật Bản diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức như biểu tình, thành lập Mặt trận Nhân dân và cả các cuộc phản chiến trong quân đội, góp phần làm chậm quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước ở Nhật Bản.

Chủ đề 3

CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Trình bày những nét lớn về phong trào Trung Quốc trong thời kì này.
- Hiểu biết về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ và các nhân vật lịch sử như M.Gandhi, G.Nêru.
- Hiểu biết về tình hình chung ở Đông Nam Á và ở một số nước như: Indônêxia, Campuchia, Thái Lan.

I- PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 - 1939)

1. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc (1918- 1939)

a) Phong trào Ngũ tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

- Diễn biến chính:
 - + Ngày 4/5/1919, đã nổ ra cuộc biểu tình của 3000 sinh viên, học sinh yêu nước Bắc Kinh nhằm phản đối âm mưu xâm lược, nô dịch Trung Quốc của các nước đế quốc.
 - + Phong trào nhanh chóng lan rộng trong cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giai cấp công nhân. cuộc vận động lớn này được gọi là *Phong trào Ngũ tứ*.
- Ý nghĩa lịch sử:
 - + Phong trào có ý nghĩa to lớn trong lịch sử Trung Quốc, mở đầu cao trào chống Đế quốc, chống phong kiến ở Trung Quốc.
 - + Đánh dấu bước chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. Giai cấp công nhân Trung Quốc bước lên vũ đài

chính trị với t- cách một lực l- ợng cách mạng độc lập và dân lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Trung Quốc.

- Sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc:

+ Sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin phát triển nhanh chóng.

+ Tháng 7/1921, từ một số nhóm cộng sản, Đảng cộng sản đã đ- ợc thành lập, đánh dấu b- ớc ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.

b) Chiến tranh Bắc phạt (1926 - 1927) và Nội chiến Quốc - cộng (1927 - 1937)

- Chiến tranh Bắc Phạt:

+ Trong những năm 1926 - 1927, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ tập đoàn quân phiệt Bắc D- ơng đang chia nhau thống trị nhiều vùng ở miền Bắc Trung Quốc (th- ờng gọi là *chiến tranh Bắc phạt*).

+ Sau đó, ngày 12/4/1927, T- ờng Giới Thạch tiến hành cuộc chính biến ở Th- ợng Hải tàn sát đẫm máu các đảng viên Cộng sản, công khai chống phá cách mạng ở nhiều địa ph- ơng khác và thành lập chính phủ của giai cấp t- sản - địa chủ tại Nam Kinh. Chiến tranh Bắc phạt chấm dứt.

- Nội chiến Quốc - Cộng:

+ Trong những năm 1927 - 1937, đã diễn ra *cuộc Nội chiến Quốc - Cộng*. Trong cuộc càn quét lần thứ năm (1934 - 1935) của Quốc dân đảng, các lực l- ợng cách mạng bị tổn thất nặng nề.

+ Để bảo toàn lực l- ợng, tháng 10/1934, Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, tiến lên phía bắc - đ- ợc gọi là cuộc *Vạn lý tr- ờng thành*. Tại Hội nghị Tuân Nghĩa (1/1935) trên đ- ờng tr- ờng chinh, Mao Trạch Đông trở thành ng- ời lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật:

Tháng 7/1937, Nhật Bản phát động cuộc chiến tranh xâm l- ợc Trung Quốc. Tr- ớc sức ép đấu tranh của nhân dân, Quốc dân đảng buộc phải hợp tác với Đảng Cộng sản, thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật.

- Quan sát hình 39. *Mao Trạch Đông trên đ- ờng Vạn lý tr- ờng chinh* - SGK và tìm hiểu về ông.

- Tìm hiểu các khái niệm: "cách mạng dân chủ t- sản kiểu cũ", "cách mạng dân chủ t- sản kiểu mới".

2. Phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ (1918 - 1939)

a) Phong trào độc lập dân tộc trong những năm (1918 - 1929)

- Những hậu quả nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ nhất và chính sách tăng cường ách áp bức, bóc lột của thực dân Anh đã làm dấy lên một cao trào chống Anh trong những năm 1918 - 1922 ở Ấn Độ.

- Nét nổi bật của cao trào là hình thức đấu tranh diễn ra phong phú, với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân và dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, đứng đầu là lãnh tụ có uy tín lớn M. Gandhi.

- Chính sách bất bạo động, bất hợp tác - không sử dụng đấu tranh bạo lực, chỉ biểu tình, bãi công, bãi khoá, tẩy chay hàng hoá Anh,...

- Sự phát triển của phong trào công nhân dẫn tới sự thành lập Đảng cộng sản Ấn Độ vào cuối năm 1925.

- Quan sát hình 40. *M.Gandhi* - SGK và nhận xét về phong trào bạo động, bất hợp tác do Gandhi lãnh đạo.

b) Phong trào độc lập dân tộc trong những năm 1929 - 1939

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, đã làm bùng lên làn sóng đấu tranh mới của nhân dân Ấn Độ.

- Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 với những sự kiện đáng ghi nhớ là cuộc hành trình lịch sử dài 300km vào đầu năm 1930 do Gandhi khởi xướng - "đón nước biển lấy muối" để phản đối chính sách độc quyền muối của thực dân Anh. Mặt trận thống nhất của các lực lượng chính trị ở Ấn Độ đã hình thành trên thực tế.

- Từ tháng 9/1939, Ấn Độ lại bị lôi cuốn vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào cách mạng Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

II- CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918- 1939)

1. Tình hình các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới

a) Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ và dẫn tới những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị và xã hội ở hầu khắp các nước Đông Nam Á.

- Về kinh tế, Đông Nam Á bị cuốn vào hệ thống kinh tế của chủ nghĩa tư bản với tư cách là thị trường tiêu thụ hàng hoá và là nơi cung cấp nguyên liệu cho chính quốc.

- Về chính trị, tuy các nước có những thể chế khác nhau, nhưng đều do các chính quyền thuộc địa cai trị hoặc lệ thuộc các nước tư bản thực dân.

- Về xã hội, với sự phát triển của kinh tế công - ơng nghiệp, sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc, nhất là sự phát triển mạnh mẽ của giai cấp t- sản và giai cấp công nhân.

- Cùng với những chuyển biến trong n- ớc, thắng lợi Cách mạng tháng M- ời Nga năm 1917 và cao trào cách mạng thế giới đã tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam □.

b) Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ ở hầu khắp các n- ớc Đông Nam □ và đã có những b- ớc tiến rõ rệt với sự lớn mạnh của giai cấp t- sản và sự tr- ởng thành của giai cấp vô sản.

- Giai cấp t- sản dân tộc đề ra mục tiêu đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị và dạy tiếng mẹ đẻ trong nhà tr- ờng. Một số chính đảng t- sản đã đ- ợc thành lập ở một số n- ớc nh- Indônêxia, Miến Điện, Mã Lai...

- Đồng thời, giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam □ bắt đầu tr- ởng thành với sự ra đời của một số đảng cộng sản nh- ở Indônêxia (1920), Việt Nam, Mã Lai và Philippin (1930). Nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang, nổi dậy của công nông đã nổ ra (Indônêxia 1929 - 1927, Việt Nam 1930 - 1931).

2. Phong trào giải phóng dân tộc Indônêxia

a) Phong trào giải phóng dân tộc trong thập niên 20 của thế kỉ XX

- Năm 1920, Đảng Cộng sản Indônêxia thành lập. Đảng đã tập hợp lực l- ợng và lãnh đạo phong trào cách mạng trong thập niên 20 của thế kỉ XX, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa vũ trang trong những năm 1926 - 1927 ở Giava và Xumatora. Cuộc khởi nghĩa tuy không giành đ- ợc thắng lợi cuối cùng, nh- ng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan.

- Từ năm 1927, quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp t- sản, đứng đầu là A.Xucácno. Đảng dân tộc chủ tr- ơng đoàn kết các lực l- ợng dân tộc chống đế quốc, đấu tranh bằng con đ- ờng hoà bình và phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân. Đảng Dân tộc đã trở thành lực l- ợng dẫn dắt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Indônêxia.

b) Phong trào giải phóng dân tộc trong thập niên 30 của thế kỉ XX

- Đầu thập niên 30, phong trào chống thực dân Hà Lan tiếp tục lan rộng trong cả n- ớc, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảnh Sunrabaya vào năm 1933. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp dã man, Đảng Dân tộc (từ năm 1929 là Đảng Indônêxia) bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.

- Cuối thập niên 30, tr- ớc nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những ng- ời cộng sản đã kết hợp với Đảng Indônêxia thành lập mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi là Liên Minh chính trị Indônêxia, do Xucácno đứng đầu.

- Tháng 12/1939, Liên minh họp Đại hội đại biểu nhân dân, bao gồm 90 đảng phái và tổ chức chính trị tham gia và thông qua Nghị quyết về ngôn ngữ, quốc kì và quốc ca. Thục dân Hà Lan đăt chối những đề nghị hợp tác chống phát xít của Liên minh.

- Lập niên biểu về phong trào độc lập ở Indônêxia trong thập niên 30 của thế kỉ XX.

3. Phong trào chống thực dân Pháp ở Lào và Campuchia

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách tăng c- ờng khai thác thuộc địa và chế độ thuế khoá, lao dịch nặng nề của thực dân Pháp đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các n- ớc Đông D- ơng.

- □ Lào, cuộc khởi nghĩa của Ong Keo và Commađam nổ ra từ năm 1901 kéo dài hơn 30 năm. Cuộc khởi nghĩa của ng- ời Mèo do Chậu Pachay lãnh đạo từ năm 1918 đến năm 1922 ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.

- □ Campuchia, phong trào chốn thuế, chống bắt phu bùng lên mạnh mẽ ở nhiều tỉnh, tiêu biểu nhất là ở tỉnh Côngpông Chonăng, thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, hơn 400 ng- ời bị tra tấn đến chết.

- Năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông D- ơng đã mở ra thời kỳ mới của phong trào cách mạng ở Đông D- ơng. Những cơ sở cách mạng bí mật đầu tiên đã đ- ợc gây dựng ở Lào và Campuchia.

- Trong những năm 1936 - 1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông D- ơng diễn ra sôi nổi ở Việt Nam đã cổ vũ cuộc vận động dân chủ ở Lào và Campuchia.

4. Cuộc Cách mạng năm 1932 ở Xiêm

- Do những mâu thuẫn xã hội d- ới triều đại Rama VII ngày một tăng lên, mùa hè năm 1932 một cuộc cách mạng đã nổ ra ở Băng Cốc d- ới sự lãnh đạo của giai cấp t- sản, đứng đầu là Pridi Phanômông.

- Cuộc Cách mạng năm 1932 đã mở ra một thời kỳ phát triển mới của n- ớc Xiêm với việc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến và tạo điều kiện tiến hành các cải cách theo h- ớng t- sản.

- Quan sát hình 42. *Pridi Phanômông (1900 - 1983)* - SGK và nhận xét về những cải cách của ông.

Chủ đề 4

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

- Phân tích nguyên nhân và con đường dẫn đến chiến tranh.
- Trình bày những diễn biến chính ở mặt trận châu Âu và mặt trận châu Á - Thái Bình Dương...
- Phân tích và đánh giá hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

I- CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CHIẾN TRANH

1. Các nước phát xít đẩy mạnh chính sách xâm lược

- Trong những năm 30, các nước phát xít Đức, Italia và Nhật Bản đã liên minh với nhau hình thành nên liên minh phát xít - khối Trục. Khối này ngày càng đẩy mạnh các hoạt động quân sự và gây chiến tranh xâm lược ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới.

- Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hítler ngày càng ngang nhiên xé bỏ Hoà ước Vécxai, hướng tới thành lập một nước "Đại Đức" bao gồm tất cả các lãnh thổ của dân Đức sinh sống ở châu Âu.

- Trong bối cảnh đó, Liên Xô coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, chủ trương hợp tác với các nước tư bản Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh, kiên quyết đứng về phía các nước chủ nghĩa bị chủ nghĩa phát xít xâm lược.

- Vì muốn giữ nguyên trạng thế giới có lợi cho mình, Chính phủ các nước Anh, Pháp đã không thành thật hợp tác với Liên Xô, thực hiện *chính sách nhân nhượng* chủ nghĩa phát xít, hòng đẩy chiến tranh về phía Liên Xô. Còn Mĩ, với *Đạo luật trung lập*, giới cầm quyền nước này thi hành chính sách không can thiệp vào các sự kiện bên ngoài châu Mĩ.

2. Từ hội nghị Muyních đến chiến tranh thế giới

- Tháng 3 - 1938, Đức xâm chiếm và sát nhập nước Áo vào lãnh thổ Đức, sau đó gây ra vụ Xuyđét để thôn tính Tiệp Khắc.

- Tháng 9 - 1938, Hội nghị Muyních gồm những người đứng đầu bốn nước Anh, Pháp, Đức, Italia đã được triệu tập. Tại Hội nghị, một hiệp định được kí kết với nội dung chính là trao vùng Xuyđét của Tiệp Khắc cho Đức, đổi lấy việc Hítler cam kết chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu.

- Tháng 3 - 1939, Hítler cho quân tràn vào thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc, gây hấn và ráo riết chuẩn bị chiến tranh với Ba Lan.

- Quan sát hình 43 - SGK để biết được các nước phát xít Đức, Italia gây chiến và bành trướng từ năm 1935 đến năm 1939 như thế nào.

II- CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÙNG NỔ VÀ LAN RỘNG Ở CHÂU ÂU (Từ tháng 9/1939 đến tháng 6-1941)

1. Phát xít Đức tấn công Ba Lan và xâm chiếm châu Âu (từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941)

- Rạng sáng 1/9/1939, Đức bất ngờ tấn công Ba Lan. Hai ngày sau Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Với ưu thế vượt trội về sức mạnh quân sự, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" và chỉ trong gần 1 tháng đã chiếm được Ba Lan.

- Từ tháng 4/1940, Đức chuyển hướng tấn công sang phía tây, nhanh chóng chiếm được hầu hết các nước bản châu Âu và đánh thẳng vào nước Pháp. Nước Pháp nhanh chóng bại trận.

- Tháng 7/1940, không quân Đức đánh phá nước Anh, nhưng bị tổn thất nặng nề. Kế hoạch của Hitler đổ bộ vào nước Anh không thực hiện được.

2. Phe phát xít bành trướng ở Đông và Nam Âu (từ tháng 9/1940 đến tháng 6/1941)

- Tháng 9/1940, tại Béclin ba nước phát xít Đức - Italia - Nhật Bản ký Hiệp ước Tam cường, nhằm tăng cường trợ giúp lẫn nhau và phân chia thế giới.

- Từ tháng 10/1940, Đức chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu: Chiếm đóng ba nước chính là Rumani, Hunggari, Bungari; thôn tính Nam Tư và Hi Lạp.

- Mùa hè 1941, phe phát xít đã chiếm phần lớn châu Âu và sẵn sàng mở cuộc tấn công Liên Xô.

II- CHIẾN TRANH LAN RỘNG KHẮP THẾ GIỚI (từ tháng 6/1941 đến tháng 11/1942)

1. Phát xít Đức tấn công Liên Xô. Chiến sự ở Bắc Phi

- Đức tấn công Liên Xô:

+ Rạng sáng 22/6/1941, Đức bất ngờ tấn công Liên Xô với chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng", bằng một lực lượng quân sự khổng lồ 5,5 triệu quân.

+ Ba đạo quân Đức đã nhanh chóng tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô: đạo quân phía bắc bao vây Leningrat (nay là Xanh Pêtécboa); đạo quân trung tâm tiến tới ngoại vi thủ đô Mátxcova; đạo quân phía nam chiếm đóng Kiép và phần lớn Ucraina. Sau những trận đánh ác liệt, tháng 12/1941 Hồng quân Liên Xô đã phản công thắng lợi. Quân Đức bị đẩy lùi khỏi thủ đô.

Chiến thắng Mátxcova đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức.

+ Mùa hè 1942, quân Đức chuyển hướng tấn công xuống phía nam, tiến đánh Xtalingrat (nay là Vongagrat) nhằm chiếm các vùng nguyên liệu thực, dầu mỏ và than

đá quan trọng nhất của Liên Xô. Sau hơn 2 tháng tấn công, quân Đức vẫn không chiếm đ- ợc thành phố này.

- Chiến sự Bắc Phi:

Từ tháng 9/1940, quân đội Italia tấn công Ai Cập, cuộc chiến ở thế giằng co; phải tới tháng 12/1942, liên quân Mĩ - Anh mới giành thắng lợi trong trận En Alamen (Ai Cập), giành lại - u thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

2. Chiến tranh Thái Bình D- ơng bùng nổ

- Tháng 9/1940, quân Nhật kéo vào Đông D- ơng.

- Sáng 7/12/1941, Nhật Bản bất ngờ tấn công hạm đội Mĩ ở Trân Châu Cảng, căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình D- ơng. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Mĩ tuyên chiến với Nhật Bản, sau đó là với Đức và Italia. Chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

- Quân Nhật mở cuộc tấn công ồ ạt xuống các n- ớc Đông Nam □ và chiếm đ- ợc một vùng rộng lớn gồm nhiều n- ớc nh- : Thái Lan, Miến Điện, Indônêxia... và nhiều đảo ở Thái Bình D- ơng. Tới năm 1942, Nhật Bản đã thống trị khoảng 8 triệu km² đất đai với trên 500 triệu dân ở Đông Bắc □ và Đông Nam □.

- Nh- ơng từ đó, sức tấn công của quân đội Nhật Bản hầu nh- đã bị chững lại do những khó khăn ngày càng lớn (mặt trận mở ra quá rộng, tiềm lực có hạn về quân sự, kinh tế của Nhật) và sự kháng cự ngày càng quyết liệt của nhân dân Trung Quốc và nhiều n- ớc khác.

3. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành

- Sau hơn 2 năm chiến tranh thế giới bùng nổ, tới đầu năm 1942, khối Đồng minh chống phát xít đã đ- ợc hình thành. Đó là do những nhân tố:

+ Những hành động xâm l- ợc tàn bạo của chủ nghĩa phát xít đã thúc đẩy các quốc gia liên minh cùng nhau chống kẻ thù chung.

+ Sự tham chiến của Liên Xô đã làm thay đổi căn bản tính chất, cục diện và triển vọng thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít.

+ Sự thay đổi thái độ và chính sách của các chính phủ Mĩ, Anh trong việc hợp tác cùng Liên Xô chống phát xít.

- Ngày 1/1/1942, tại Oasinhton đại diện của 26 quốc gia, với trụ cột là ba c- ờng quốc Liên xô, Mĩ, Anh đã kí kết một bản tuyên bố chung - đ- ợc gọi là *Tuyên ngôn Liên hợp quốc*. Theo đó, các n- ớc tham gia Tuyên ngôn cam kết cùng nhau dốc toàn lực tiến hành cuộc chiến tranh tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

II- QUÂN ĐỒNG MINH CHUYỂN SANG PHẢN CÔNG, CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI KẾT THÚC (từ tháng 1/1942 đến tháng 8/1945)

1. Quân đồng minh phản công (từ tháng 11/1942 đến tháng 8/1945)

- □ Mặt trận Xô - Đức, trận phản công tại Xtalingrát từ tháng 11/1942 đến tháng 2/1943 của Hồng quân Liên Xô đã tạo nên b- ớc ngoặt căn bản của chiến tranh thế giới thứ hai. Quân đội Đức đã bị tổn thất hết sức nặng nề (33 vạn quân tinh nhuệ bị tiêu diệt và bắt sống). Từ đây, Liên Xô và các n- ớc Đồng minh chuyển sang giai đoạn tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

Tiếp đó, Hồng quân đã nhanh chóng bẻ gãy cuộc tấn công gần nh- là cuối cùng của quân Đức ở vòng cung Cuốcxcơ, đánh tan 30 s- đoàn Đức.

Tới tháng 6/1944, phần lớn lãnh thổ Xô viết đã đ- ợc giải phóng.

- □ mặt trận Bắc Phi, quân Anh (từ phía Đông) và quân Mĩ (từ phía Tây) phối hợp phản công (từ tháng 3 đến tháng 5/1943) đã quét sạch liên quân Đức- Italia ra khỏi lục địa châu Phi.

- □ Italia, sau khi quân đồng minh đánh chiếm đảo Xixilia và bắt giam Mútxôlini, một chính phủ mới đã đ- ợc thành lập. Phát xít Italia sụp đổ. Nh- ng hơn 30 s- đoàn quân Đức đ- ợc điều sang Italia, kéo dài sự kháng chiến tới tháng 5/1945.

- □ Thái Bình D- ơng, sau trận thắng lớn ở đảo Guadancanan (từ tháng 8/1942 đến tháng 1/1943), quân Mĩ đã tạo ra đ- ợc b- ớc ngoặt quan trọng và chuyển sang phản công, lần l- ợt đánh chiếm các đảo ở Thái Bình D- ơng.

2. Phát xít Đức bị tiêu diệt. Nhật Bản đầu hàng. Chiến tranh kết thúc

- Phát xít Đức đầu hàng:

+ Từ đầu năm 1944, sau 10 chiến dịch của cuộc tổng phản công quét sạch quân thù ra khỏi lãnh thổ Xô Viết, Hồng quân tiến vào giải phóng các n- ớc Đông Âu, tiến sát tới biên giới n- ớc Đức.

+ Tháng 6/1944, liên quân Đồng minh mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu bằng cuộc đổ bộ vào miền Bắc n- ớc Pháp. Phong trào khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Pháp nổi lên khắp nơi, làm chủ Pari và giải phóng toàn bộ n- ớc Pháp. Quân Đồng minh tiến vào giải phóng các n- ớc Bỉ, Hà Lan, Lúcxămbua, chuẩn bị tấn công n- ớc Đức.

+ Đầu tháng 2/1945, Hội nghị của nguyên thủ ba c- ờng quốc Liên Xô, Mĩ, Anh họp tại Ianta đã phân chia các khu vực chiếm đóng n- ớc Đức và châu Âu, đề ra việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh,... Liên Xô cam kết sẽ tham chiến chống Nhật sau khi n- ớc Đức đầu hàng.

+ Tháng 2/1945, quân Đồng minh tấn công quân Đức từ Mặt trận phía Tây. Tháng 4/1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công vào Béclin, đập tan sự kháng cự của hơn 1 triệu quân Đức. Hítle tự sát.

+ Tháng 2/1945, quân Đồng minh tấn công quân Đức từ Mặt trận phía Tây. Tháng 4/1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công vào Béclin, đập tan sự kháng cự của hơn 1 triệu quân Đức. Hítle tự sát.

+ Ngày 9/5/1945, n-ớc Đức ký văn bản đầu hàng không điều kiện, chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

- Quân phiệt Nhật đầu hàng:

+ □ Mặt trận Thái Bình D-ong, liên quân Mĩ - Anh triển khai cuộc tấn công đánh chiến Miến Điện và quần đảo Philíppin. □ Đông Bắc □, ngày 8/8/1945 Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản, mở cuộc tấn công vào đạo quân Quan Đông của Nhật ở Mãn Châu.

+ Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hirôxima (6/8/1945) và Nagaxaki (9/8/1945) , giết hại hàng trăm nghìn ng-ời chỉ trong phút chốc.

+ Ngày 15/8/1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

V. KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI TH- HAI

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của ba n-ớc phát xít Đức, Italia và Nhật Bản. Thắng lợi vĩ đại đó thuộc về các quốc gia - dân tộc đã kiên c-ờng chống phát xít. Ba c-ờng quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực l-ợng trụ cột, giữa vai trò quyết định trong công cuộc tiêu diệt nghĩa phát xít.

- Hậu quả của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đối với nhân loại thật vô cùng nặng nề. Hơn 70 quốc gia với 1700 triệu ng-ời đã bị lôi cuốn vào cuộc chiến, khoảng 60 triệu ng-ời chết, 90 triệu ng-ời bị tàn phế. Nhiều thành phố, làng mạc, nhiều cơ sở kinh tế bị tàn phá, công trình văn hoá bị thiêu huỷ.

- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những thay đổi căn bản trong tình hình thế giới, mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử thế giới hiện đại.

Chủ đề 5

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

(Phân từ năm 1917 đến năm 1945)

CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG NĂNG TRONG CH- ONG TRÌNH

□n tập những nội dung chính đã học và những sự kiện lịch sử tiêu biểu: Sự tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các n-ớc t- bản chủ yếu, cao trào cách mạng thế giới, Chiến tranh thế giới thứ hai.

I. NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

GV hướng dẫn HS hệ thống hoá những sự kiện lịch sử thế giới hiện đại tiêu biểu theo bảng mẫu trong SGK.

II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

1. Nh- một số tiếp nối cuộc cách mạng công nghiệp, trong thời kỳ này nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật đã đạt đ- ợc. Nhờ đó, đã diễn ra *những chuyển biến trong sản xuất vật chất, thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển với tốc độ cao, làm thay đổi đời sống chính trị - xã hội của các quốc gia và thế giới.*

2. Với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng M- ời Nga năm 1917 và sự ra đời của Nhà n- ớc Xô viết, *chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên đã đ- ợc xác lập ở một n- ớc trên thế giới.* V- ợt qua mọi khó khăn gian khổ, Nhà n- ớc Xô viết đã đứng vững và v- ươn lên mạnh mẽ, trở thành một c- ờng quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.

3. Từ sau Cách mạng tháng M- ời Nga và Chiến tranh thế giới thứ nhất, *phong trào cách mạng thế giới đã b- ớc sang một thời kỳ phát triển mới.* Đó là cao trào cách mạng vô sản ở châu Âu trong những năm 1918 - 1923, sự lan rộng của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở các n- ớc thuộc địa và phụ thuộc, sự ra đời của các đảng cộng sản ở nhiều n- ớc, sự thành lập và hoạt động của Quốc tế Cộng sản.

4. *Chủ nghĩa t- bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới và trải qua những b- ớc thăng trầm đầy biến động.* Trong thời kì giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939), chủ nghĩa t- bản đã trải qua các giai đoạn: *Biến động cách mạng (1918 - 1923), ổn định và tăng tr- ởng kinh tế (1924 - 1929), khủng hoảng kinh tế và sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh thế giới (1929 - 1939).*

5. *Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 -1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.* Dù theo các chế độ chính trị khác nhau, các quốc gia - dân tộc đã liên minh cùng nhau trong khối đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít tàn bạo, cứu loài ng- ời thoát khỏi những thảm hoạ man rợ của chúng. Ba c- ờng quốc: Liên Xô, Mĩ và Anh là lực l- ợng trụ cột, đi đầu trong cuộc chiến đấu cao cả ấy. Sau chiến tranh, lịch sử thế giới đã sang một ch- ơng mới.

LỊCH SỬ VIỆT NAM

(1858 - 19180)

VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIX

CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH

- Trình bày được sự kiện chủ yếu trong giai đoạn 1858 - cuối thế kỉ XIX:

+ Pháp tấn công Đà Nẵng, sau đó chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta, khởi nghĩa Tr-ong Định; Pháp đánh ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Đông và ba tỉnh miền Tây.

+ Thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm toàn bộ Việt Nam. Cuộc kháng chiến của nhân dân. Hiệp - ước 1883 và 1884.

+ Hiểu được nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của phong trào Cần v-ong. Trình bày được diễn biến những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu; Ba Đình, Bãi Sậy, H-ong Khê, phong trào nông dân Yên Thế. Biết rút ra nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cần v-ong và phong trào nông dân tự phát.

I- NHÂN DÂN VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM L- ỢC TỪ NĂM (1858 - 1973)

1.Liên quân Pháp - Tây Ban Nha xâml- ợc Việt Nam. Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

a) Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX tr- ớc khi thực dân Pháp xâm l- ợc

- Chế độ phong kiến có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực.

+ Nông nghiệp sa sút. Nhiều chính sách của Nhà n- ớc đã làm ảnh h- ưởng tới sự phát triển của thủ công nghiệp và th- ơng nghiệp.

+ Quốc phòng yếu kém, lạc hậu. Đời sống nhân dân khó khăn. Khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra.

- Chính sách cấm đạo và sát đạo gay gắt của nhà Nguyễn đã gây bất hoà trong nhân dân, tạo kẽ hở cho kẻ thù lợi dụng.

b) Thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm l- ợc Việt Nam

- Từ thế kỷ XV, XVI, ng- ời ph- ơng Tây đã đến Việt Nam buôn bán. Ng- ời Anh âm m- u thôn tính đảo Côn Lôn, nh- ư ng thất bại.

- Thông qua con đ- ờng truyền đạo, các giáo sĩ tích cực thúc đẩy cuộc chiến tranh xâml- ợc Việt Nam.

- Lợi dụng chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn, Napôlêông III (lên ngôi năm 1852) liên minh với Tây Ban Nha phát động cuộc chiến tranh chống Việt Nam, thực chất là để chạy đua với các n- ớc t- ản khác bành tr- ớng thuộc địa sang ph- ơng Đông.

c) Chiến sự ở Đà Nẵng năm 1858

- Ngày 1/9/1858, Pháp tấn công Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm l- ợc Việt Nam.

Quan sát lược đồ Việt Nam, trả lời câu hỏi vì sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tiến công đầu tiên để thực hiện kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh.

- Quân dân ta thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", gây cho địch nhiều khó khăn.

- Quân Pháp - Tây Ban Nha bị cầm chân suốt 5 tháng trên bán đảo Sơn Trà.

- Sau 5 tháng xâm lược, chúng chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà. Kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của pháp bước đầu thất bại.

2. Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Gia Định và các tỉnh miền Đông Nam Kỳ từ năm 1859 đến năm 1862

a) Kháng chiến ở Gia Định

- Không chiếm được Đà Nẵng, Pháp đưa quân vào Gia Định vì đây là một vị trí chiến lược quan trọng, có hệ thống giao thông đường thủy thuận lợi, có thể dùng làm căn cứ để mở rộng xâm lược Campuchia. Ngày 17/2/1859, Pháp đánh thành Gia Định, quân triều đình tan rã nhanh chóng.

+ Trái ngược lại, các đội dân binh vẫn chiến đấu ngoan cường, gây cho địch nhiều khó khăn buộc chúng phải chùn bước.

+ Từ đây Pháp chuyển hẳn sang kế hoạch đánh lâu dài, đánh chiếm Việt Nam từng bước.

- Triều đình không biết tận dụng thời cơ đánh Pháp và thắng Pháp:

+ Giữa lúc tiến thoái lưỡng nan thì đại quân Pháp ở Việt Nam bị điều động sang chiến trường Trung Quốc, chỉ để lại một lực lượng nhỏ giữ các vị trí quanh Gia Định.

+ Tháng 3/1860, Nguyễn Tri Phương vào Gia Định nhưng chỉ chú trọng xây dựng đại đồn Chí Hoà, không chủ động tấn công quân Pháp. Cơ hội tiêu diệt quân Pháp qua đi nhanh chóng.

b) Kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước 5/6/1862

- Xác định trên lược đồ các vị trí Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long (bị Pháp chiếm từ năm 1861 đến đầu năm 1862).

- Ngày 23/2/1861, Pháp tấn công và chiếm đại đồn Chí Hoà.

- Thừa thắng chúng đánh chiếm ba tỉnh là Định Tường (12/4/1861), Biên Hoà (18/12/1861), Vĩnh Long (23/3/1862).

- Tuy vậy, thực dân Pháp không sao kiểm soát được các vùng đã chiếm đóng. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển mạnh, đặc biệt khởi nghĩa Trưng Vương Định giành được nhiều thắng lợi, gây cho Pháp nhiều khó khăn.

- Giữa lúc đó, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp - ước Nhâm Tuất (5/6/1862), nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

- Phân tích vì sao triều đình kí hoà - ước: đ- ờng lối thủ để hoà, tâm lí ngại giặc, sợ giặc, đánh giá sai về âm m- u, thủ đoạn của kẻ thù...

3. Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Kỳ sau Hiệp - ước 1862

a) Nhân dân ba tỉnh miền Đông tiếp tục kháng chiến chống Pháp sau Hiệp - ước 1862

- Triều đình nhà Nguyễn vẫn chủ tr- ơng nghị hoà với Pháp, ngăn cản cuộc kháng chiến của nhân dân.

- Nhân dân ta vẫn quyết tâm kháng chiến tới cùng (thông qua hành động của Tr- ơng Định và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo).

b) Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ

- Việc đánh lấy ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ nằm trong kế hoạch "chinh phục từng gói nhỏ" của Pháp. Kế hoạch này đ- ợc chúng tiến hành nh- sau: chiếm Campuchia, cô lập ba tỉnh miền Tây, ép triều đình Huế nh- ờng quyền cai quản và cuối cùng tấn công bằng vũ lực.

- Ngày 20/6/1867, quân Pháp dàn trận tr- ớc thành Vĩnh Long, Phan Thanh Giản phải nộp thành.

- Từ ngày 20 đến ngày 24/6/1867, quân Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên không tốn một viên đạn.

c) Nhân dân ba tỉnh miền Tây chống Pháp

- Tình thế khó khăn mới của cuộc kháng chiến: cả sáu tỉnh Nam Kỳ đã bị giặc chiếm, t- ơng quan lực l- ợng chênh lệch, tinh thần kháng chiến của quan quân triều đình đã giảm sút.

- Tuy vậy, phong trào kháng Pháp của nhân dân ba tỉnh miền Tây vẫn dâng cao, thể hiện bằng nhiều hình thức (tị địa, bất hợp tác với giặc, khởi nghĩa vũ trang, liên minh chiến đấu với nhân dân Campuchia...).

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra ở ba tỉnh miền Tây, tiêu biểu nh- các cuộc khởi nghĩa của Tr- ơng Quyền, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân,...

- Đánh giá về tinh thần đấu tranh, truyền thống yêu n- ớc chống xâm l- ợc Pháp của nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ.

- Tìm hiểu sâu hơn về hai thủ lĩnh Nguyễn Trung Trực và Nguyễn Hữu Huân.

II- CHIẾN SỰ LAN RỘNG RA CẢ N- ỚC, CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1884. NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

1. Thực dân Pháp chiếm đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873). Kháng chiến lan rộng ra Bắc Kỳ

a) Tình hình Việt Nam trước khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất trên các mặt trận kinh tế, xã hội

- Về kinh tế: Kinh tế Việt Nam tiếp tục sa sút do mất sáu tỉnh Nam Kỳ, phải lo bồi thường chiến phí cho Pháp (theo Hiệp ước 1862). Nông nghiệp bị bỏ bê, công thương nghiệp không có gì khác trước. Đời sống nhân dân ngày càng khó khăn.

- Về chính trị, xã hội: nạn thổ phỉ, hải phỉ hoành hành; mâu thuẫn xã hội gia tăng; khởi nghĩa chống triều đình nổ ra ở nhiều nơi.

- Những đề nghị cải cách - duy tân bị triều đình nhà Nguyễn khước từ.

b) Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873)

- Việc đánh chiếm Bắc Kỳ và toàn bộ Việt Nam là chủ trương lâu dài của thực dân Pháp, nhưng do thực lực chưa đủ mạnh nên Pháp phải tiến hành từng bước.

- Sau khi thiết lập bộ máy cai trị ở Nam Kỳ, Pháp ráo riết chuẩn bị cho việc đánh chiếm Bắc Kỳ.

- Pháp dựng nên vụ Giăng Đuypuy ở Hà Nội (cho Đuypuy gây rối trên sông Hồng). Lấy cớ giải quyết vụ Đuypuy, năm 1873 Pháp đem quân ra đánh thành Hà Nội (20/11/1873) và sau đó chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ (từ ngày 23/11 đến ngày 12/12/1873).

c) Phong trào kháng chiến ở Bắc Kỳ trong những năm 1873 - 1874

- Khi Pháp đánh thành Hà Nội, 100 binh sĩ đã chiến đấu và hi sinh đến cuối cùng tại ô Quang Chông.

- Tổng đốc Nguyễn Tri Phương chỉ huy quân sĩ chiến đấu và đã anh dũng hy sinh.

- Nhân dân chủ động kháng chiến ở Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

- Trong trận Cầu Giấy (21/12/1873), tướng giặc là Gácniê tử trận. Thực dân Pháp hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng với triều đình Huế.

- Hiệp ước 15/3/1874 (Giáp Tuất) được ký kết, quân Pháp rút khỏi Bắc Kỳ nhưng triều đình đã dâng toàn bộ sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp.

2. Thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kỳ lần thứ hai. Cuộc kháng chiến ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong những năm 1882 - 1884

a) Quân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 - 1884)

- Bối cảnh lịch sử trước khi thực dân Pháp đánh ra Bắc Kỳ lần thứ hai:

+ Trong khoảng gần 10 năm sau Hiệp ước Giáp Tuất, chủ quyền của dân tộc bị vi phạm nghiêm trọng, đất đai bị mất, nội trị, ngoại giao bị lệ thuộc.

+ Nền kinh tế t- bản chủ nghĩa ở Pháp ngày càng phát triển, giới cầm quyền Pháp thống nhất với nhau trong đ- ờng lối mở rộng xâm l- ọc thuộc địa.

+ Năm 1882, Pháp quyết định đánh ra Bắc Kỳ lần thứ hai.

- Quân Pháp đánh Hà Nội và các tỉnh Bắc Kỳ lần thứ hai (1882 - 1883):

+ Năm 1882, vin có triều đình Huế vi phạm Hiệp - ớc 1874, quân Pháp kéo ra Bắc.

+ Ngày 3/4/1882, chúng bất ngờ đổ bộ lên Hà Nội.

+ Ngày 25/4/1882, Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội.

+ Tháng 3/1883, Pháp chiếm mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định...

b) Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ kháng chiến

- Tại Hà Nội, quan quân triều đình do Hoàng Diệu chỉ huy đã chiến đấu anh dũng bảo vệ thành. Khi thành mất, ông đã tuần tiết theo thành (sử dụng tài liệu về Hoàng Diệu).

- Quân dân các tỉnh xung quanh Hà Nội (nh- Sơn Tây, Bắc Ninh...) tích cực chuẩn bị chống giặc.

- Tại các tỉnh đồng bằng, nhất là ở Nam Định, Thái Bình... nhiều trung tâm kháng chiến xuất hiện.

- Sự phối hợp kháng chiến của quân dân ta đã dẫn đến chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai (19/5/1883). T- ớng giặc là Rivie tử trận (sử dụng l- ọc đồ trận Cầu Giấy).

- Phân tích tác động, ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai: đem lại niềm phấn khích cho quân dân ta, nh- ng chiến thắng không đ- ợc tiếp tục phát huy vì chủ tr- ơng th- ơng l- ợng, cầu hoà của triều đình Huế. Chính phủ Pháp lại lợi dụng sự kiện này để đẩy mạnh cuộc chiến tranh, dùng vũ lực buộc triều đình Huế đầu hàng.

3. Thực dân Pháp tấn công Thuận An, Hiệp - ớc 1883 và Hiệp - ớc 1884

a) Quân Pháp tấn công của biển Thuận An

- Do vị trí quan trọng của Thuận An, hơn nữa nhân cơ hội vua Tự Đức mới mất (17/7/1883), triều đình chính đang rối ren. Pháp đã hiểu rõ thái độ bạc nh- ợc của triều đình Huế do đó đã tấn công Thuận An.

- Diễn biến chính:

+ Ngày 18/8/1883, Pháp tấn công Thuận An.

+ Quân triều đình chiến đấu quyết liệt, nh- ng cuối cùng quân Pháp vẫn chiếm đ- ợc các pháo đài, kinh đô Huế bị uy hiếp trực tiếp.

b) Hai bản Hiệp - ớc 1883 và 1884. Nhà n- ớc phong kiến Nguyễn đầu hàng

- Ngày 25/8/1883, triều đình nhà Nguyễn phải kí Hiệp - ước Hác măng với Pháp, Việt Nam bị chia làm ba "kì", trong đó Trung Kỳ gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Khánh Hoà đ- ợc giao cho triều đình Huế quản lý.

- Ngày 6/6/1884, Pháp lại thay Hiệp - ước Hác măng bằng Hiệp - ước Patonốt, nội dung không khác mấy so với Hiệp - ước Hác măng, chỉ điều chỉnh lại địa giới Trung Kỳ ra hết tỉnh Thanh Hoá và vào đến Bình Thuận, nhằm xoa dịu d- luận và mua chuộc quan lại phong kiến.

Từ đây n- ớc Việt Nam bị đặt d- ới sự "bảo hộ" của Pháp, dần dần biến thành một n- ớc thuộc địa nửa phong kiến.

III- PHONG TRÀO YÊU N- ỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

1. Phong trào Cần v- ơng bùng nổ

a) Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại kinh thành Huế và sự bùng nổ phong trào Cần v- ơng

- Sau hai hiệp - ước Hác măng và Patonốt phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta tiếp tục phát triển.

- Sự bất bình và phẫn uất trong nhân dân, đặc biệt trong các sĩ phu, văn thân yêu n- ớc dâng cao.

- Phong trào chống xâm l- ợc của nhân dân các địa ph- ơng là cơ sở và nguồn cổ vũ cho phái chủ chiến ở Huế hành động.

- Dựa vào sự ủng hộ của nhân dân, Tôn Thất Thuyết chỉ huy cuộc tấn công quân Pháp ở toà Khâm sứ và đồn Mang Cá. Cuộc tấn công bị thất bại.

- Tôn Thất Thuyết đ- a vua Hàm Nghi lên sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị), rồi lấy sanh nghĩa Hàm Nghi xuống chiếu Cần V- ơng Kêu gọi nhân dân cả n- ớc đứng lên chống Pháp, cứu n- ớc.

- Chiếu Cần V- ơng làm bùng lên phong trào đấu tranh chống xâm l- ợc của nhân dân ta, trở thành phong trào rầm rộ, sôi nổi trong suốt những năm cuối thế kỉ XIX.

b) Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần v- ơng

- Giai đoạn 1: Từ khi chiếu Cần v- ơng phát ra (tháng 7/1885) đến khi vua Hàm Nghi bị bắt (11/1888). Gây ra đoạn bùng phát mạnh mẽ, rộng khắp của phong trào trên phạm vi cả n- ớc.

- Giai đoạn 2: từ năm 1889 đến năm 1896, phong trào quy tụ thành những trung tâm lớn, tập trung ở Bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ, với các cuộc khởi nghĩa điển hình nh- Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, H- ơng Khê.

2. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần v-ong và phong trào đấu tranh tự vệ cuối thế kỉ XIX

a) Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần v-ong

- Về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần v-ong, lập bảng hệ thống kiến thức.

Cuộc khởi nghĩa	Lãnh đạo	Địa bàn	Hoạt động chủ yếu	Kết quả, ý nghĩa
Khởi nghĩa Ba đình (1886 - 1887)	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Ba làng là Mậu Thịnh, Th-ong Thọ, Mĩ Khê (Nga Sơn, Thanh Hoá)	Xây dựng căn cứ chính Ba Đình và căn cứ Mã Cao. Nghĩa quân chặn đánh các đoàn xe, các toán lính Pháp	Gây cho Pháp nhiều thiệt hại, tháng 1/1887, Pháp chiếm đ-ợc căn cứ Ba Đình. Khởi nghĩa thất bại.
Bãi Sậy 1883 - 1892	Nguyễn Thiện Thuật	- Căn cứ chính ở Bãi Sậy (H-ng Yên). - Địa bàn hoạt động lan sang Hải D-ong, Bắc Ninh...	- Giai đoạn 1885 - 1887, nghĩa quân đẩy lùi đ-ợc nhiều cuộc càn quét, gây cho địch nhiều thiệt hại. - Từ năm 1888, b-ớc vào chiến đấu quyết liệt, nghĩa quân di chuyển linh hoạt, đánh thắng một số trận lớn ở các tỉnh đồng bằng	- Căn cứ bãi Sậy và căn cứ Hai Sông bị Pháp nao vây. Nguyễn Thiện Thuật phải sang Trung Quốc, Đốc Tít phải ra hàng giặc (8/1889). - Để lại những kinh nghiệm trong tác chiến ở đồng bằng.
H-ong Khê (1885 - 1886).	Phan Đình Phùng, Cao Thắng.	- Căn cứ chính: H-ong Khê (Hà Tĩnh). - Địa bàn hoạt động rộng khắp 4 tỉnh Bắc Trung Kỳ.	- Từ năm 1885 đến năm 1888 là giai đoạn chuẩn bị lực l-ong, xây dựng căn cứ, chế tạo vũ khí, tích trữ l-ong thực... - Từ năm 1888 đến năm 1896, nghĩa quân b-ớc vào cuộc	Phan Đình Phùng hy sinh (12/1895): năm 1896, khởi nghĩa thất bại. - Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần v-ong.

			chiến đấu quyết liệt, liên tục mở các cuộc tập kích, đẩy lùi các cuộc hành quân càn quét của địch. Chủ động tấn công thắng nhiều trận lớn nổi tiếng.	
--	--	--	--	--

b) Khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913)

- Nguyên nhân:

+ Kinh tế nông nghiệp sa sút, đời sống nông dân đồng bằng Bắc Kỳ vô cùng khó khăn, một bộ phận phải phiêu tán lên Yên Thế. Họ sẵn sàng đứng dậy đấu tranh để bảo vệ cuộc sống của mình.

+ Khi Pháp thi hành chính sách bình định, cuộc sống bị xâm phạm, nhân dân Yên thế đã đứng dậy khởi nghĩa.

- Diễn biến:

+ Giai đoạn 1884 - 1892, dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh Đề Nắm, nghĩa quân đã xây dựng hệ thống phòng thủ ở Bắc Yên Thế, đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của địch.

+ Giai đoạn 1893 - 1897, do Đề Thám lãnh đạo, giảng hoà với Pháp 2 lần, nghĩa quân làm chủ 4 tổng ở Bắc Giang (Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Th- ợng).

+ Giai đoạn 1898 - 1908, trong 10 năm hoà hoãn, căn cứ Yên Thế trở thành nơi hội tụ của những nghĩa sĩ yêu n- ớc.

+ Giai đoạn 1909 - 1913, Pháp mở cuộc tấn công, nghĩa quân di chuyển liên tục từ nơi này sang nơi khác. Tháng 2/1913, Đề Thám bị sát hại, khởi nghĩa tan rã.

- □ nghĩa: thể hiện tiềm năng, ý chí, sức mạnh to lớn của nông dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chủ đề 2

VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX

ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1918)

- Trình bày đ- ợc những biểu hiện của sự chuyển biến về kinh tế Việt Nam đầu thế kỉ XX, những chuyển biến về xã hội với sự ra đời của các giai cấp, tầng lớp mới.

- Giải thích đ- ợc nguyên nhân của sự chuyển biến về kinh tế xã hội.

- Tóm tắt đ- ọc các phong trào yêu n- ớc tiêu biểu đầu thế kỉ XX.
- Giải thích đ- ọc nguyên nhân xuất hiện của những phong trào trên, tính chất dân chủ t- sản của phong trào, nguyên nhân thất bại.
- Nêu đ- ọc tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam d- ời tác động của chính sách mà Pháp thực hiện trong chiến tranh.
- Trình bày tóm tắt các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu trong thời fgian chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Nêu đ- ọc những đặc điểm của các phong trào trong giai đoạn này và giải thích đ- ọc nguyên nhân quyết định các đặc điểm đó.
- Buổi đầu hoạt động cứu n- ớc của Nguyễn Tất Thành (1911 - 1918).

I- XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC THUỘC ĐỊA LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP

1. Những chuyển biến về kinh tế

- Về nông nghiệp, Pháp chiếm đất làm đồn điền, khiến cho phần lớn nông dân không còn t- liệu sản xuất.
- Về công nghiệp, Pháp đẩy mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là khai thác mỏ. Một số ngành công nghiệp dịch vụ, công nghiệp chế biến và sản xuất vật liệu ra đời.
- Về th- ơng nghiệp, Pháp độc chiếm thị tr- ờng, nguyên liệu và thu thuế.
- Về giao thông vận tải, chính quyền thuộc địa chú ý đến việc xây dựng hệ thống giao thông, chủ yếu để phục vụ việc chuyên chở hàng hoá, nguyên liệu và phục vụ mục đích quân sự.

2. Những chuyển biến về xã hội

- Những biến động lớn của giai cấp cũ:
 - + Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến trở nên giàu có, đ- ọc Pháp nâng đỡ, chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần yêu n- ớc.
 - + Giai cấp nông dân có số l- ợng đông đảo nhất, bị áp bức, bóc lột nặng nề, căm thù đế quốc và phong kiến.
- Các giai cấp, tầng lớp xã hội mới:
 - + Công nhân (xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX) ngày càng công đảo, phần lớn xuất thân từ nông dân, làm việc trong các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy..., bị bóc lột thậm tệ, l- ợng thấp nên đời sống khổ cực. Họ sớm có tinh thần yêu n- ớc, tích cực tham gia phong trào chống đế quốc, cải thiện đời sống.
 - + Tầng lớp t- sản, xuất thân từ các nhà thầu khoán, chủ xí nghiệp, x- ưởng thủ công, chủ hãng buôn,... bị chính quyền thực dân kìm hãm, t- bản Pháp chèn ép.

+ Tầng lớp tiểu tư sản thành thị, gồm những chủ các xí nghiệp thủ công nhỏ, cơ sở buôn bán nhỏ, viên chức cấp thấp và những người làm nghề tự do...

- Nguyên nhân của sự chuyển biến: những chuyển biến trong nền kinh tế Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác lần thứ nhất đã dẫn tới sự chuyển biến về xã hội.

- Sự xuất hiện các lực lượng xã hội mới cùng với những mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng sâu sắc là cơ sở của phong trào dân tộc dân chủ diễn ra sôi nổi, nhiều màu sắc trong những năm đầu thế kỉ XX.

II- PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

1. Phan Bội Châu và xu hướng bạo động

- Lãnh đạo phong trào Đông du là Phan Bội Châu.

- Mục tiêu: Xây dựng nước Việt Nam hùng mạnh, có kinh tế phát triển, chính trị tiến bộ...

- Chủ trương: giành độc lập bằng phương pháp bạo động, nhưng với những cách thức tổ chức, huy động lực lượng khác trước (so sánh với chủ trương cứu nước trước đó).

- Hoạt động:

+ Năm 1904, Phan Bội Châu sáng lập Hội Duy tân, với mục tiêu chống Pháp, giành độc lập, xây dựng chính thể quân chủ lập hiến. Lúc đầu, Hội chủ trương cầu viện Nhật Bản nhưng đã nhanh chóng chuyển sang "cầu học", tổ chức phong trào Đông du.

+ Từ tháng 8/1908, theo thoả thuận với thực dân Pháp, Chính phủ Nhật trục xuất những người Việt Nam yêu nước. Phong trào Đông du tan rã.

+ Dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi, tháng 6/1912, tại Quảng Châu, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội, nhằm đánh Pháp, khôi phục nền độc lập của Việt Nam, thành lập Cộng hoà Dân quốc Việt Nam.

+ Ngày 24/12/1913, Phan Bội Châu bị bắt.

- Trao đổi, nêu nhận xét về xu hướng, hoạt động của Phan Bội Châu trong giai đoạn này.

2. Phan Châu Trinh và xu hướng cải cách

- Chủ trương:

+ Khác với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh chủ trương thiết lập dân chủ, quyền, thông qua con đường cải cách để tiến tới độc lập. Ông muốn dựa vào Pháp để đánh đổ ngôi vua và chế độ phong kiến hủ bại, vận động nhân dân "tự lực khai hoá".

+ Năm 1906, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... mở cuộc vận động Duy tân ở Trung kì.

- Hoạt động:

+ Hình thức: mở tr- ờng, diễn thuyết về các vấn đề xã hội, cổ vũ theo cái mới: cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, cổ động mở mang công th- ơng nghiệp...

+ Cuộc vận động chuyển thành phong trào chống thuế năm 1908 ở Trung kì. Phong trào bị thực dân Pháp đàn áp, Phan Châu Trinh bị bắt.

- Nhận xét về xu h- ớng, hoạt động của Phan Châu Trinh.

3. Đông Kinh nghĩa thực, vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội và những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế

- Đông Kinh nghĩa thực:

+ Đây là một tr- ờng học đ- ợc lập ra theo ý t- ờng của Phan Bộ Châu và Phan Châu Trinh (học tập mô hình của Nhật Bản).

+ Từ Hà Nội, cuộc vận động mở tr- ờng dạy học theo lối mới đã phát triển khắp nơi, trở thành phong trào rầm rộ.

+ Sáng lập viên của tr- ờng ban đầu là các sĩ phu yêu n- ớc nh- L- ơng Văn Can, Nguyễn Quyền.

+ Ngoài dạy các kiến thức văn hoá thực dụng, tuyên truyền chữ Quốc ngữ, Đông Kinh nghĩa thực còn đẩy mạnh cuộc vận động tuyên truyền yêu n- ớc, phổ biến t- t- ờng duy tân trên các lĩnh vực, nhất là về kinh tế và văn hoá.

+ Tháng 11/1907, Pháp đóng cửa tr- ờng, hầu hết giáo viên bị bắt.

+ Nêu nhận xét về Đông Kinh nghĩa thực.

- Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội (6/1908):

+ Nguyên nhân: bất bình với chính sách thống trị và sự phân biệt đối xử của thực dân Pháp, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp đã nổi dậy đấu tranh, kết hợp với hoạt động của nghĩa quân Đề Thám.

+ Diễn biến: một vài nét chính.

+ □ nghĩa: lần đầu tiên lực l- ợng binh lính ng- ời Việt Nam đ- ợc giác ngộ, quay súng chống lại thực dân Pháp, trở thành một lực l- ợng yêu n- ớc quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Những hoạt động cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế:

+ Cùng với việc đàn áp nhân vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, phong trào chống thuế ở Trung Kì, khủng bố phong trào Đông du,... thực dân Pháp rắp tâm tập trung lực l- ợng tiêu diệt bằng đ- ợc cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

+ Tháng 1/1909, quân Pháp tấn công căn cứ Phồn X-ơng, nghĩa quân phải di chuyển liên tục qua nhiều tỉnh. Tháng 2/1913, Hoàng Hoa Thám bị giết hại. Khởi nghĩa Yên Thế chấm dứt.

III- VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

1. Tình hình kinh tế - xã hội

a) Những biến động về kinh tế

Chiến tranh thế giới bùng nổ, thực dân Pháp tăng cường khai thác, bóc lột thuộc địa Đông D-ơng nhằm phục vụ cho cuộc chiến tranh:

- Tăng các thứ thuế, bắt nhân dân mua công trái, vơ vét lúa gạo, kim loại đ-à về n-ớc Pháp.

- Trong nông nghiệp, Pháp ra sức c-ớp đoạt ruộng đất làm đồn điền, bắt nông dân chuyển từ trồng lúa sang trồng các cây công nghiệp phục vụ chiến tranh.

- Trong công th-ơng nghiệp, Pháp tăng c-ường đầu t- khai mỏ, nhất là mỏ than. Một số cơ sở kinh doanh của ng-ời Việt đ-ợc mở rộng, một số xí nghiệp mới xuất hiện.

b) Tình hình phân hoá xã hội

- Nông dân ngày càng bị bần cùng. Thanh niên trai tráng bị bắt lính, lực l-ợng lao động bị giảm sút. Thiên tai, mất mùa xảy ra th-ờng xuyên, diện tích trồng lúa bị thu hẹp, s-u thuế và các khoản đóng góp (do chính sách động viên của Pháp) ngày một nặng nề.

- Công nhân số l-ợng đông đảo thêm (do công nghiệp thời chiến phát triển hơn tr-ớc).

- T- sản, tiểu t- sản tăng thêm về số l-ợng và thế lực kinh tế, tạo điều kiện hình thành các giai cấp mới sau chiến tranh. Họ bắt đầu lên tiếng đấu tranh để bênh vực quyền lợi cho mình.

2. Phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh

- Chính sách của thực dân Pháp trong thời kỳ chiến tranh tiếp tục làm cho mâu thuẫn dân tộc trở nên sâu sắc.

- Các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp lại tiếp tục bùng nổ sau một thời gian tạm lắng vì bị khủng bố, đàn áp (1907 - 1913).

- Nổi bật là các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội, phong trào của binh lính ng-ời Việt trong quân đội Pháp (vụ m- u khởi nghĩa ở Huế - 1916, khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên - 1917). Tuy nhiên, do thiếu sự lãnh đạo thống nhất, thiếu đ-ờng lối đúng đắn nên các phong trào bị thất bại.

- Phong trào nông dân Nam Kỳ (phong trào Hội kín) tuy sôi nổi nhưng vì mất phương hướng nên đi vào con đường duy tâm, thần bí và bị đàn áp.

- Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào đấu tranh vũ trang trong chiến tranh theo gợi ý như sau:

S T T	Phong trào	Địa bàn hoạt động	Hình thức đấu tranh	Thành phần chủ yếu	Kết quả

- Nêu nhận xét về phong trào đấu tranh chống Pháp trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất.

3. Sự xuất hiện khuynh hướng cứu nước mới

a) Phong trào công nhân

- Phong trào công nhân tiếp tục nổ ra ở nhiều nơi như: nhà máy sàng Kế Bào, mỏ than Hà Tu (1916), mỏ bô xít Cao Bằng.

- Công nhân còn tham gia vào cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (8/1917).

- Hình thức đấu tranh phổ biến là đấu tranh kinh tế kết hợp với vũ trang.

- Nét mới là thể hiện rõ hơn tinh thần đoàn kết, ý thức kỷ luật của giai cấp công nhân nước ta.

- Tuy nhiên phong trào còn mang tính lẻ tẻ, tự phát.

b) Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (1911 - 1918)

- Nguyễn Tất Thành hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890, trong một gia đình trí thức yêu nước ở Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An.

- Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước.

- Từ năm 1911 đến năm 1917, ông đi bôn ba qua nhiều nước, làm nhiều nghề để kiếm sống. Ông thấy rõ ở đâu bọn đế quốc cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu ông lao động cũng bị áp bức bóc lột dã man.

- Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tích cực hoạt động tổ chức thực dân Pháp và tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam; tham gia vào phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

Chủ đề 3

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 - 1918)

Trên cơ sở những kiến thức cơ bản đã học, giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện việc sơ kết.

1. Nước Việt Nam giữa thế kỉ XIX - trước cuộc xâm lược của nước Pháp

- Chế độ phong kiến bước vào thời kì khủng hoảng suy yếu (về chính trị, kinh tế).

- Yêu cầu đặt ra lúc này thực hiện cải cách duy tân đất nước, thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng để đối phó có hiệu quả với âm mưu xâm nhập và xâm lược từ bên ngoài.

- Cuộc xâm lược của nước Pháp tới gần đòi hỏi phải tăng cường đoàn kết, tinh tảo để không sa vào cạm bẫy của kẻ thù.

2. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến của nhân dân ta

- Cuộc xâm lược Việt Nam của Pháp bắt đầu từ ngày 1/9/1858, được thực hiện từng bước:

+ từ năm 1858 đến năm 1862, tấn công Đà Nẵng, đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

+ Từ năm 1863 đến năm 1867, Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

+ từ năm 1867 đến năm 1873, Pháp chuẩn bị và đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất.

+ Từ năm 1874 đến năm 1883, Pháp chuẩn bị và đánh chiếm Bắc kỳ lần thứ hai.

+ Từ năm 1883 đến năm 1884, Pháp hoàn thành việc xâm lược toàn bộ Việt Nam.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam nổ ra ngay từ khi Pháp bắt đầu xâm chiếm.

+ Từ năm 1858 đến năm 1884: phong trào nổ ra mạnh mẽ, khiến thực dân Pháp phải mất gần 30 năm mới tạm thời áp đặt được nền bảo hộ lên đất nước ta.

+ Từ 1885 đến cuối thế kỉ XIX, phong trào yêu nước nhằm khôi phục chủ quyền dân tộc các văn thân, sĩ phu lãnh đạo dưới khẩu hiệu Cần vương, song song là các phong trào đấu tranh tự phát của nông dân.

+ Sự thất bại của phong trào đấu tranh vũ trang cuối thế kỉ XIX đặt ra yêu cầu khách quan là phải tìm kiếm phương thức và con đường cứu nước mới.

3. Những biến đổi trong đời sống kinh tế, xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX

- Từ năm 1897, sau khi cơ bản dập tắt đ-ợc các cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân ta, thực dân Pháp bắt tay vào cuộc khai thác quy mô trên toàn lãnh thổ Đông D-ong.

- Cuộc khai thác của Pháp đã phần nào tạo ra những nhân tố mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX: xuất hiện thành phần kinh tế t- bản chủ nghĩa; bộ mặt thành thị và nông thôn có những biến đổi, những lực l-ợng xã hội mới ra đời (công nhân, t- sản, tiểu t- sản...)

- Trong những năm 1914 - 1918, do bận chiến tranh ở châu Âu, thực dân Pháp nói lỏng độc quyền ở Đông D-ong. Đây là cơ hội làm ăn tốt của giai cấp t- sản, tiểu t- sản Việt Nam. Giai cấp công nhân n-ớc ta theo đó cũng có những b-ớc phát triển mới.

4. Những phong trào yêu n-ớc và cách mạng (trong những năm đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất)

- Các nhân tố tác động đến phong trào:

+ Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội (xuất hiện các lực l-ợng xã hội mới, các thành phần kinh tế mới).

+ Tác động của các luồng t- t- ởng từ bên ngoài vào.

- Kết quả: đều thất bại,

- Nhận xét: tuy có nhiều nét tiến bộ, song phong trào yêu n-ớc đầu thế kỉ XX vẫn ch- a khắc phục đ-ợc những hạn chế về điều kiện lịch sử, giai cấp, xã hội, do đó vẫn ch- a thể giành đ-ợc thắng lợi.

- Tr-ớc sự bế tắc về đ-ờng lối cứu n-ớc chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đ-ờng cứu n-ớc mới cho dân tộc.